

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
CHUYÊN NGÀNH LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: “HOẠT ĐỘNG GIAO NHẬN HÀNG HOÁ BẰNG
ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV
GNHH F.D.I ĐÀ NẴNG”**

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Trần Thuý Kiều

Sinh viên thực hiện : Phan Phú Đệ

Khoá học : 2022 - 2026

MSSV : 2254050131

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
CHUYÊN NGÀNH LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: “HOẠT ĐỘNG GIAO NHẬN HÀNG HOÁ BẰNG
ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV
GNHH F.D.I ĐÀ NẴNG”**

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Trần Thuý Kiều

Sinh viên thực hiện : Phan Phú Đệ

Khoá học : 2022 - 2026

MSSV : 2254050131

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

NHIỆM VỤ KHOÁ LUẬN

Năm học: 2022 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên : Phan Phú Đệ
- Chuyên ngành : Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Khoá học : 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khoá luận tốt nghiệp

**“HOẠT ĐỘNG NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV GNHH F.D.I ĐÀ NẴNG”**

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khoá luận tốt nghiệp

4. Các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn

- ThS. Trần Thuý Kiều

6. Ngày giao nhiệm vụ làm khoá luận tốt nghiệp

- 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành Khoá luận tốt nghiệp

- 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành tốt đề tài “Hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại Công ty TNHH TM&DV GNHH F.D.I Đà Nẵng”, đầu tiên em xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu và toàn thể quý thầy cô trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, nhất là thầy cô khoa Kinh tế đã quan tâm giảng dạy, truyền đạt nhiều kiến thức bổ ích và kinh nghiệm sống quý báu trong suốt quá trình em học tập dưới mái trường. Bên cạnh đó, em cũng xin cảm ơn Ban giám đốc cũng như các anh chị trong Công ty TNHH TM&DV GNHH F.D.I đã tạo điều kiện, hỗ trợ và hướng dẫn quan tâm em trong quá trình thực tập tại quý công ty.

Đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến ThS. Trần Thuý Kiều là giảng viên hướng dẫn trực tiếp trong quá trình em làm chuyên đề tốt nghiệp này. Cô đã giành thời gian để tận tình chỉ bảo và thẳng thắn đưa ra nhận xét giúp bài báo cáo ngày càng hoàn thiện hơn. Nhờ có sự giúp đỡ của cô mà em có thể hoàn thành nội dung lẫn hình thức bài báo cáo tốt nhất có thể.

Vì sự hiểu biết còn hạn chế và thời gian thực tập có hạn nên bài viết sẽ không tránh khỏi những sai sót. Do đó mong sẽ nhận được sự hướng dẫn và đóng góp của quý thầy cô cùng các bạn để em có thể bổ sung kiến thức chuyên môn và phục vụ tốt hơn cho công việc sau này.

Cuối cùng xin chúc quý thầy cô trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, Ban lãnh đạo cùng anh chị trong Công ty F.D.I dồi dào sức khỏe và đạt được nhiều thành công trong công việc cũng như trong cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Phan Phú Độ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

1. Thông tin chung

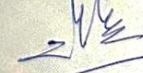
- Họ tên sinh viên: Phạm Phú Đạt
- Trường: Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- Chuyên ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- MSSV: 2254.050.131
- Đơn vị thực tập: Công ty TNHH Thương Mại & DV G.N.H.H F.D.I Đà Nẵng
- Vị trí thực tập: Phòng khai báo hải quan - Ops hiện trường

2. Nhận xét của đơn vị về quá trình thực tập của sinh viên

Có sinh viên học hỏi, nghiêm túc.
Thái độ làm việc tích cực và có trách nhiệm
trong công việc.
Biết vận dụng kiến thức đã học vào trong công
việc thực tế.
Hoàn thành các công việc được giao một cách
chuyên nghiệp, cẩn thận trong công việc, chủ động
việc và hỗ trợ công việc của các anh chị trong ekip.

Người nhận xét

(Ghi rõ họ và tên, ký và đóng dấu)


Trần Văn Đức Hòa

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vi
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	vii
DANH MỤC HÌNH ẢNH	viii
MỞ ĐẦU.....	ix
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	ix
2. Mục tiêu nghiên cứu	ix
3. Phương pháp nghiên cứu	x
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	x
5. Bố cục đề tài	x
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG	1
1.1. Khái niệm chung về hoạt động nhập khẩu hàng hoá.....	1
1.1.1. Khái niệm về nhập khẩu	1
1.1.2. Khái niệm về người nhập khẩu	1
1.1.3. Đặc điểm và vai trò nhập khẩu	2
1.1.3.1. Đặc điểm.....	2
1.1.3.2. Vai trò.....	2
1.2. Mô hình và quy trình nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không.....	3
1.2.1. Đặc điểm nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không.....	3
1.2.2. Cơ sở pháp lý, Incoterms, hệ thống chứng từ, chứng từ điện tử và các nguyên tắc cơ bản.....	4
1.2.2.1. Các cơ sở pháp lý	4
1.2.2.2. Incoterms	5
1.2.2.3. Hệ thống chứng từ trong nhập khẩu hàng không.....	6
1.2.2.4. Chứng từ điện tử trong vận tải hàng không	7
1.2.2.5. Các nguyên tắc cơ bản trong nhập khẩu hàng hoá.....	8
1.3. Quy trình nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không	9
1.3.1. Hàng thông thường.....	9
1.3.1.1. Nhận chứng từ từ đại lý.....	10
1.3.1.2. Nhận giấy báo hàng đến.....	11

1.3.1.3. Nhận lệnh giao hàng	11
1.3.1.4. Khai báo hải quan nhập khẩu	11
1.3.1.5. Nhận hàng tại kho sân bay	12
1.3.2. Hàng đông lạnh.....	12
1.3.2.1. Tiếp nhận thông tin lô hàng đông lạnh	13
1.3.2.2. Theo dõi thời gian hàng đến và tình trạng bảo quản.....	13
1.3.2.3. Thực hiện thủ tục hải quan và kiểm tra chuyên ngành	14
1.3.2.4. Nhận hàng về kho sân bay.....	14
1.3.2.5. Vận chuyển hàng bằng xe về kho lạnh	14
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu hàng hoá	15
1.4.1. Các yếu tố bên ngoài	15
1.4.2. Các yếu tố bên trong.....	16
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	18
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CỦA HOẠT ĐỘNG NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ	
BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG CỦA CÔNG TY TM TNHH & DV GNHH F.D.I	
TẠI ĐÀ NẴNG.....	19
2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I Đà Nẵng.....	19
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	19
2.1.2. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	21
2.1.3. Lĩnh vực kinh doanh	23
2.1.3. Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ.....	24
2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức	24
2.1.3.2. Chức năng của các bộ phận	24
2.1.4. Nguồn lực	26
2.1.4.1. Cơ sở vật chất.....	26
2.1.4.2. Nguồn nhân lực	27
2.1.5. Tình hình hoạt động trong ba năm gần đây từ 2022 – 2024 tại công ty FDI chi nhánh Đà Nẵng.....	28
2.1.6. Tình hình nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không từ 2022 – 2024 của Công ty F.D.I chi nhánh Đà Nẵng	30
2.2. Quy trình hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại công ty F.D.I.....	32

2.3. Đánh giá thực trạng hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại công ty F.D.I Đà Nẵng	42
2.3.1. Ưu điểm.....	43
2.3.2. Hạn chế.....	43
2.3.2.1. Tiếp cận thị trường và khách hàng.....	43
2.3.2.2. Vấn đề về thanh toán.....	43
2.3.2.3. Xử lý chứng từ.....	44
2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong quy trình này.....	44
2.3.3.1. Nguyên nhân về tiếp cận thị trường và khách hàng.....	44
2.3.3.2. Nguyên nhân về vấn đề thanh toán và chi phí.....	45
2.3.3.3. Nguyên nhân về xử lý chứng từ.....	45
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	47
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG TẠI CÔNG TY F.D.I ĐÀ NẴNG.....	48
3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty	48
3.1.1. Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh	50
3.1.1.1. Môi trường vĩ mô.....	50
3.1.1.2. Môi trường ngành.....	52
3.1.2. Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty trong thị gian tới	53
3.2. Đánh giá xu hướng của thị trường nhập khẩu hàng hóa.....	55
3.3. Một số giải pháp hoàn thiện hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại công ty FDI Đà Nẵng	56
3.3.1. Giải pháp tiếp cận thị trường và khách hàng	56
3.3.2. Giải pháp trong khâu thanh toán	58
3.3.3. Giải pháp xử lý chứng từ.....	58
3.3.4. Giải pháp cho mô hình Logistics “xanh”.....	59
3.4. Điều kiện và cách thức thực hiện giải pháp	59
3.4.1. Giải pháp tiếp cận thị trường và khách hàng	59
3.4.2. Giải pháp trong khâu thanh toán	61
3.4.3. Giải pháp xử lý chứng từ	62
3.4.4. Giải pháp Logistics xanh.....	63
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3:.....	64

KẾT LUẬN	65
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	67

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Diễn giải
1	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
2	TM	Thương mại
3	DV	Dịch vụ
4	GNHH	Giao nhận hàng hóa
5	FDI	Freight Development International
6	Ops	Operations – Bộ phận hiện trường
7	Cus	Customs – Bộ phận hải quan
8	HCNS	Hành chính – Nhân sự
9	Air	Vận chuyển hàng không
10	Air Cargo	Vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không
11	Air Export	Hàng xuất khẩu bằng đường hàng không
12	Sea Freight	Vận chuyển hàng hóa bằng đường biển
13	FCL	Full Container Load – Hàng nguyên container
14	LCL	Less than Container Load – Hàng lẻ
15	MAWB	Master Air Waybill – Vận đơn chủ
16	HAWB	House Air Waybill – Vận đơn thứ cấp
17	AWB	Air Waybill – Vận đơn hàng không
18	C/O	Certificate of Origin – Giấy chứng nhận xuất xứ
19	WMS	Warehouse Management System – Hệ thống quản lý kho
20	TMS	Transportation Management System – Hệ thống quản lý vận tải
21	IATA	International Air Transport Association – Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
22	FIATA	International Federation of Freight Forwarders Associations – Liên đoàn các Hiệp hội Giao nhận Quốc tế
23	SCSC	Saigon Cargo Service Corporation – Dịch vụ kho hàng sân bay
24	TCS	Tan Son Nhat Cargo Service – Dịch vụ kho hàng
25	CCCD	Căn cước công dân
26	DO	Delivery Order – Lệnh giao hàng
27	GGT	Giấy giới thiệu

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Cơ sở vật chất của công ty	26
Bảng 2.2: Nhân sự của công ty.....	28
Bảng 2.3: Kết quả hoạt động của công ty từ 2022 - 2024	28
Bảng 2.4: Doanh thu hoạt động nhập khẩu của công ty từ 2022 - 2024	30
Bảng 2.5: Quy trình chi tiết hoạt động nhập khẩu của công ty	33

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của công ty từ 2022 - 2024.....	29
Biểu đồ 2.2: Cơ cấu doanh thu của hoạt động nhập khẩu tại công ty lần lượt qua từng năm từ 2022 – 2024	31

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1: Quy trình nhập khẩu hàng thông thường bằng đường hàng không.....	10
Hình 1.2: Quy trình nhập khẩu hàng đông lạnh bằng đường hàng không	13
Hình 2.1: Cơ cấu tổ chức nhân sự của công ty	24
Hình 2.2: Quy trình nhập khẩu của công ty.....	32
Hình 2.3: Vận đơn hàng không HAWB	35
Hình 2.4: Giấy báo hàng đến	37
Hình 2.5: Danh sách hàng hoá qua khu vực giám sát hải quan có xác nhận.....	38
Hình 2.6: Cổng thông tin điện tử cục hải quan.....	39
Hình 2.7: Giấy giới thiệu nhận hàng	40
Hình 2.8: Phiếu xuất kho	41
Hình 2.9: Hàng hoá được lấy ra khỏi sân bay	42

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động xuất nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Đặc biệt, vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không đang trở thành xu hướng tất yếu đối với các lô hàng có giá trị cao, yêu cầu thời gian giao nhận nhanh và tính an toàn cao. Sau đại dịch và sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử xuyên biên giới, nhu cầu về dịch vụ logistics hàng không ngày càng gia tăng.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp giao nhận tại Việt Nam nói chung và Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I Đà Nẵng nói riêng đang phải đối mặt với nhiều thách thức như tối ưu quy trình nghiệp vụ, giảm chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Việc nghiên cứu, phân tích quy trình và nghiệp vụ vận chuyển hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không tại doanh nghiệp sẽ giúp làm rõ thực trạng hoạt động, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả.

Xuất phát từ những lý do trên, việc lựa chọn đề tài: “Hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không của Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I Đà Nẵng ” làm khóa luận tốt nghiệp là cần thiết, có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chung:

Phân tích quy trình và nghiệp vụ hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I Đà Nẵng, từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Mục tiêu cụ thể:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về vận chuyển hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không và nghiệp vụ giao nhận trong logistics.
- Phân tích thực trạng quy trình và các nghiệp vụ liên quan đến vận chuyển hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không tại công ty.
- Đánh giá những ưu điểm, hạn chế và các vấn đề còn tồn tại trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.
- Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm cải thiện quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động của công ty.

3. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài chủ yếu sử dụng số liệu thứ cấp được công ty FDI cung cấp. Bên cạnh đó dữ liệu còn thu thập được từ các đề tài luận văn liên quan đến lĩnh vực nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không thông qua việc tìm kiếm thông tin trên internet. Bằng cơ sở lý thuyết, kiến thức tích lũy trong quá trình học tập cũng như những kiến thức thực tế được các anh chị trong công ty hướng dẫn, đề tài áp dụng phương pháp so sánh, thống kê, phân tích và thu thập tổng hợp dữ liệu. Từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không của FDI để đề ra giải pháp và kiến nghị phù hợp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại công ty

- Phạm vi nghiên cứu: Công ty TNHH & DV GNHH F.D.I tại Đà Nẵng trong vòng 3 năm trở lại đây (2022-2024)

5. Bố cục đề tài

***Chương 1:** Cơ sở lý luận về hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không*

***Chương 2:** Thực trạng hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại Công ty TNHH & DV GNHH F.D.I tại Đà Nẵng*

***Chương 3:** Giải pháp hoàn thiện hoạt động nhập khẩu hàng hoá*

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

1.1. Khái niệm chung về hoạt động nhập khẩu hàng hoá

1.1.1. Khái niệm về nhập khẩu

Nhập khẩu hàng hoá là hoạt động mua bán hàng hoá và dịch vụ từ nước ngoài vào thị trường trong nước nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng, sản xuất hoặc tái xuất. Đây là một bộ phận quan trọng trong hoạt động thương mại quốc tế, góp phần thúc đẩy lưu thông hàng hoá giữa các quốc gia.

Về bản chất, nhập khẩu không chỉ đơn thuần là việc đưa hàng hoá từ nước ngoài vào lãnh thổ quốc gia, mà còn bao gồm toàn bộ các nghiệp vụ liên quan như ký kết hợp đồng ngoại thương, tổ chức vận chuyển, thanh toán quốc tế, thực hiện thủ tục hải quan và giao nhận hàng hoá. Quá trình này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều chủ thể như nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hãng vận tải, cơ quan hải quan và các đơn vị giao nhận.

Trong nền kinh tế hiện đại, hoạt động nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong việc bổ sung nguồn cung hàng hoá, tiếp cận công nghệ tiên tiến, đa dạng hoá sản phẩm và nâng cao năng lực sản xuất trong nước. Đồng thời, nó cũng tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

1.1.2. Khái niệm về người nhập khẩu

Người nhập khẩu là cá nhân, doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế có tư cách pháp lý tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế với vai trò mua hàng hóa từ nước ngoài và đưa vào thị trường nội địa nhằm phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh hoặc tiêu dùng. Trong quan hệ mua bán quốc tế, người nhập khẩu là một trong những chủ thể trung tâm, trực tiếp ký kết và thực hiện hợp đồng ngoại thương với đối tác nước ngoài.

Xét về bản chất, người nhập khẩu không chỉ đơn thuần là bên mua hàng hóa, mà còn là chủ thể tổ chức và điều phối toàn bộ quá trình nhập khẩu. Hoạt động của người nhập khẩu gắn liền với nhiều khâu nghiệp vụ phức tạp, bao gồm từ việc nghiên cứu thị trường, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán điều kiện giao dịch (giá cả, điều kiện giao hàng, phương thức thanh toán), đến việc tổ chức vận chuyển, mua bảo hiểm (nếu cần), thực hiện thanh toán quốc tế và hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, người nhập khẩu có trách nhiệm kiểm tra và chuẩn bị đầy đủ bộ chứng từ như hóa đơn thương mại (Invoice), phiếu đóng gói (Packing

List), vận đơn (Air Waybill hoặc Bill of Lading), giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)... Đồng thời, họ phải phối hợp với các bên liên quan như hãng vận tải, đại lý giao nhận (forwarder), ngân hàng và cơ quan hải quan để đảm bảo hàng hóa được vận chuyển và thông quan đúng quy định. Ngoài ra, người nhập khẩu còn phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế liên quan theo quy định của pháp luật.

Xét về khía cạnh pháp lý, người nhập khẩu phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hàng hóa nhập khẩu, bao gồm các quy định về thuế, kiểm tra chuyên ngành và tiêu chuẩn chất lượng. Đồng thời, họ cũng phải thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng ngoại thương nhằm hạn chế rủi ro và tranh chấp trong giao dịch quốc tế.

Trong nền kinh tế hiện đại, hoạt động nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong việc bổ sung nguồn cung hàng hóa, tiếp cận công nghệ tiên tiến, đa dạng hoá sản phẩm và nâng cao năng lực sản xuất trong nước. Đồng thời, nó cũng tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

1.1.3. Đặc điểm và vai trò nhập khẩu

1.1.3.1. Đặc điểm

Gắn với thị trường quốc tế: Phụ thuộc vào cung – cầu, giá cả và biến động kinh tế thế giới.

Pháp lý phức tạp: Chịu sự điều chỉnh của luật trong nước, điều ước quốc tế và tập quán thương mại.

Quy trình nhiều khâu: Bao gồm ký kết hợp đồng, thanh toán quốc tế, vận tải, hải quan nhận hàng.

Chi phí cao, rủi ro lớn: Phát sinh nhiều chi phí và tiềm ẩn rủi ro về vận chuyển, tỷ giá, pháp lý.

Thời gian kéo dài: Do vận chuyển quốc tế và thủ tục hải quan phức tạp.

Phụ thuộc điều kiện giao hàng: Chi phí và trách nhiệm phụ thuộc vào điều kiện Incoterms và phương thức vận tải.

1.1.3.2. Vai trò

Hoạt động nhập khẩu giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Trước hết, nhập khẩu góp phần bổ sung nguồn hàng hóa cần thiết cho nền kinh tế, từ nguyên vật liệu, máy móc thiết bị cho đến hàng tiêu dùng, qua đó đáp ứng nhu cầu sản xuất và

tiêu dùng trong nước khi nguồn cung nội địa chưa đủ khả năng đáp ứng.

Bên cạnh đó, nhập khẩu còn là kênh quan trọng giúp tiếp cận công nghệ tiên tiến và phương thức quản lý hiện đại từ các quốc gia phát triển. Điều này tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, thông qua hoạt động nhập khẩu, cơ cấu kinh tế được điều chỉnh theo hướng hợp lý hơn, phù hợp với xu thế phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu.

Ngoài ra, nhập khẩu còn góp phần tăng cường mức độ cạnh tranh trên thị trường nội địa. Sự xuất hiện của hàng hóa nhập khẩu buộc các doanh nghiệp trong nước phải không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa chi phí nhằm duy trì vị thế cạnh tranh. Điều này mang lại lợi ích thiết thực cho người tiêu dùng khi họ có nhiều sự lựa chọn hơn với mức giá hợp lý và chất lượng ngày càng được cải thiện.

Không những vậy, hoạt động nhập khẩu còn đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước thông qua các loại thuế như thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng. Đồng thời, đây cũng là cầu nối quan trọng giúp mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao vị thế của quốc gia trên thị trường thế giới.

1.2. Mô hình và đặc điểm nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không

1.2.1. Đặc điểm nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không

Trong điều kiện nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu rộng vào thương mại quốc tế, hoạt động nhập khẩu hàng hóa giữ vai trò quan trọng và mang những đặc điểm riêng biệt, phản ánh sự phụ thuộc chặt chẽ vào môi trường kinh doanh toàn cầu.

Với đặc điểm dòng hàng hóa dịch chuyển theo tuyến đường hàng không nên dịch vụ cũng có một số đặc điểm cơ bản như sau:

Nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không có tính gắn kết với thị trường quốc tế:

Hoạt động nhập khẩu hàng hóa mang những đặc điểm riêng biệt, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ môi trường kinh doanh quốc tế. Trước hết, nhập khẩu luôn gắn liền với thị trường quốc tế, do đó phụ thuộc trực tiếp vào quan hệ cung – cầu, biến động giá cả cũng như tình hình kinh tế toàn cầu. Những yếu tố này có thể tác động nhanh chóng đến chi phí, hiệu quả và rủi ro của hoạt động nhập khẩu.

Nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không có tính pháp lý phức tạp:

Hoạt động nhập khẩu có tính pháp lý phức tạp, bởi nó không chỉ chịu sự điều

chính của hệ thống pháp luật trong nước mà còn liên quan đến các điều ước quốc tế và tập quán thương mại quốc tế. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải nắm vững các quy định pháp lý để hạn chế tranh chấp và rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không có nhiều nghiệp vụ trong quy trình:

Một đặc điểm quan trọng khác là quy trình nhập khẩu bao gồm nhiều khâu nghiệp vụ liên tiếp như ký kết hợp đồng ngoại thương, thực hiện thanh toán quốc tế, tổ chức vận tải, làm thủ tục hải quan và nhận hàng. Mỗi khâu đều có vai trò nhất định và yêu cầu sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan nhằm đảm bảo quá trình nhập khẩu diễn ra thuận lợi.

Nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không phải chịu chi phí cao và mang tính rủi ro:

Các khoản chi phí có thể bao gồm chi phí vận chuyển quốc tế, bảo hiểm, thuế và các chi phí liên quan khác. Đồng thời, doanh nghiệp còn phải đối mặt với các rủi ro về vận chuyển, biến động tỷ giá và các vấn đề pháp lý trong thương mại quốc tế.

Nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không có tính kéo dài thời gian và phụ thuộc vào điều kiện giao hàng:

Không những vậy, thời gian thực hiện hoạt động nhập khẩu thường kéo dài hơn so với giao dịch nội địa do phải trải qua quá trình vận chuyển xuyên biên giới và thực hiện các thủ tục kiểm tra, thông quan của cơ quan hải quan. Điều này có thể ảnh hưởng đến tiến độ kinh doanh và kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp.

Cuối cùng, hoạt động nhập khẩu còn phụ thuộc đáng kể vào điều kiện giao hàng được thỏa thuận trong hợp đồng ngoại thương. Các điều kiện này quy định rõ trách nhiệm, chi phí và rủi ro giữa các bên, đồng thời chịu ảnh hưởng bởi phương thức vận tải được lựa chọn. Do đó, việc lựa chọn điều kiện giao hàng phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc tối ưu hóa chi phí và hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp nhập khẩu.

1.2.2. Cơ sở pháp lý, Incoterms, hệ thống chứng từ, chứng từ điện tử và các nguyên tắc cơ bản

1.2.2.1. Các cơ sở pháp lý

Hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không không chỉ chịu sự điều chỉnh của pháp luật trong nước mà còn phải tuân thủ các điều ước và thông lệ quốc tế.

Đây là đặc điểm đặc thù của lĩnh vực logistics quốc tế, đòi hỏi doanh nghiệp phải nắm vững các quy định pháp lý nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình giao nhận.

Trên phương diện quốc tế, hai công ước quan trọng nhất điều chỉnh hoạt động vận tải hàng không là Công ước Warsaw năm 1929 và Công ước Montreal năm 1999. Các công ước này quy định rõ trách nhiệm pháp lý của người chuyên chở đối với hàng hóa trong quá trình vận chuyển, bao gồm trách nhiệm về mất mát, hư hỏng hoặc chậm trễ giao hàng. Đặc biệt, Công ước Montreal 1999 đã thay thế và hoàn thiện các quy định trước đó, tạo cơ sở pháp lý minh bạch và phù hợp hơn với thực tiễn thương mại hiện đại.

Bên cạnh đó, Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) đóng vai trò quan trọng trong việc ban hành các tiêu chuẩn và hướng dẫn thực hành trong ngành. Các quy định của IATA liên quan đến vận chuyển hàng nguy hiểm, hàng dễ hư hỏng hay việc áp dụng vận đơn điện tử đã trở thành chuẩn mực chung được các hãng hàng không và doanh nghiệp logistics trên toàn thế giới tuân thủ.

Ở phạm vi trong nước, hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không còn chịu sự điều chỉnh của Luật Hải quan, Luật Thương mại, các nghị định và thông tư hướng dẫn liên quan đến quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu. Sự kết hợp giữa hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế tạo nên một khung pháp lý toàn diện, giúp đảm bảo tính minh bạch, an toàn và hiệu quả trong quá trình giao nhận hàng hóa.

1.2.2.2. Incoterms

Trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không, việc áp dụng các điều kiện thương mại quốc tế là yếu tố không thể thiếu nhằm xác định rõ quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm giữa người bán và người mua.

Đối với vận tải hàng không, các điều kiện Incoterms được sử dụng phổ biến bao gồm FCA (Free Carrier), CPT (Carriage Paid To) và CIP (Carriage and Insurance Paid To). Trong đó:

- Điều kiện FCA quy định người bán giao hàng cho người chuyên chở do người mua chỉ định tại địa điểm thỏa thuận, từ đó trách nhiệm và rủi ro được chuyển giao sang cho người mua.
- Điều kiện CPT quy định người bán chịu chi phí vận chuyển đến địa điểm đích, nhưng rủi ro được chuyển giao ngay khi hàng được giao cho người chuyên chở đầu tiên.

- Điều kiện CIP tương tự CPT nhưng người bán phải mua thêm bảo hiểm cho hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển.

Việc lựa chọn điều kiện Incoterms phù hợp không chỉ ảnh hưởng đến chi phí logistics mà còn quyết định đến việc phân chia rủi ro trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Do đó, doanh nghiệp cần cân nhắc kỹ lưỡng khi đàm phán hợp đồng ngoại thương để đảm bảo lợi ích tối ưu cho mình.

1.2.2.3. Hệ thống chứng từ trong nhập khẩu hàng không

Trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không, hệ thống chứng từ đóng vai trò đặc biệt quan trọng vì đây là cơ sở để thực hiện khai báo hải quan, nhận hàng tại kho sân bay, thanh toán chi phí và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến lô hàng. Đối với doanh nghiệp giao nhận, việc kiểm tra và xử lý chứng từ chính xác sẽ giúp quá trình thông quan diễn ra nhanh chóng, hạn chế sai sót và giảm thiểu chi phí lưu kho, lưu bãi.

Một bộ chứng từ nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không thường bao gồm các chứng từ cơ bản sau:

- Giấy báo hàng đến

Đây là chứng từ do hãng hàng không hoặc đại lý giao nhận phát hành để thông báo cho doanh nghiệp biết lô hàng đã đến sân bay đích. Nội dung của giấy báo hàng đến thường thể hiện các thông tin như số vận đơn, số chuyến bay, ngày giờ hàng đến, số kiện hàng, trọng lượng và địa điểm lưu giữ hàng hóa.

Giấy báo hàng đến là căn cứ để doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ nhận hàng, thanh toán các khoản phí liên quan và tiến hành các bước tiếp theo trong quy trình nhập khẩu.

- Hóa đơn thương mại

Hóa đơn thương mại là chứng từ do người xuất khẩu phát hành cho người nhập khẩu nhằm xác nhận giá trị hàng hóa trong giao dịch mua bán quốc tế. Chứng từ này thể hiện các thông tin như tên hàng hóa, số lượng, đơn giá, tổng giá trị lô hàng, điều kiện giao hàng và phương thức thanh toán.

Đây là chứng từ quan trọng để cơ quan hải quan xác định trị giá tính thuế nhập khẩu và kiểm tra tính hợp lệ của giao dịch thương mại.

- Phiếu đóng gói hàng hóa

Phiếu đóng gói là chứng từ mô tả chi tiết quy cách đóng gói của lô hàng như số lượng kiện, trọng lượng, kích thước và cách sắp xếp hàng hóa.

Chứng từ này giúp doanh nghiệp dễ dàng kiểm tra tình trạng hàng hóa khi nhận hàng tại kho sân bay, đồng thời hỗ trợ cơ quan hải quan trong quá trình kiểm tra thực tế hàng hóa nếu phát sinh yêu cầu kiểm hóa.

- Tờ khai hải quan nhập khẩu

Tờ khai hải quan là chứng từ điện tử do doanh nghiệp thực hiện khai báo trên hệ thống VNACCS/VCIS theo quy định của pháp luật hải quan Việt Nam.

Trong tờ khai thể hiện đầy đủ các thông tin liên quan đến lô hàng như mã HS, trị giá tính thuế, số lượng hàng hóa, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và các thông tin về doanh nghiệp nhập khẩu.

Sau khi hoàn tất khai báo, hệ thống hải quan sẽ tiến hành phân luồng kiểm tra và xác định tình trạng thông quan của lô hàng.

- Chứng từ kiểm tra chuyên ngành

Đối với một số mặt hàng đặc thù như thực phẩm, mỹ phẩm, thiết bị y tế, hóa chất hoặc hàng có yêu cầu kiểm dịch, doanh nghiệp cần bổ sung thêm các chứng từ kiểm tra chuyên ngành theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước.

Việc chuẩn bị đầy đủ các chứng từ này giúp hạn chế tình trạng chậm thông quan hoặc phát sinh chi phí lưu kho tại sân bay.

Nhìn chung, hệ thống chứng từ trong nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ xử lý lô hàng. Vì vậy, doanh nghiệp cần kiểm tra kỹ tính chính xác và thống nhất của toàn bộ chứng từ trước khi tiến hành khai báo hải quan và nhận hàng.

1.2.2.4. Chứng từ điện tử trong vận tải hàng không

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong ngành logistics, việc sử dụng chứng từ điện tử trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không ngày càng trở nên phổ biến. Đây được xem là xu hướng tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc, giảm chi phí vận hành và rút ngắn thời gian giao nhận hàng hóa.

Hiện nay, phần lớn các doanh nghiệp logistics và hãng hàng không đã áp dụng hình thức trao đổi dữ liệu điện tử thông qua email, phần mềm quản lý logistics và hệ thống hải quan điện tử. Các chứng từ như giấy báo hàng đến, hóa đơn thương mại, phiếu đóng gói và dữ liệu khai báo hải quan đều có thể được xử lý dưới dạng điện tử thay cho chứng từ giấy truyền thống.

Việc áp dụng chứng từ điện tử mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như:

- Rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và khai báo hải quan
- Giảm chi phí in ấn, lưu trữ và quản lý chứng từ
- Hạn chế thất lạc hoặc sai sót trong quá trình luân chuyển chứng từ
- Tăng khả năng kiểm tra, tra cứu và theo dõi thông tin lô hàng
- Hỗ trợ cập nhật dữ liệu nhanh chóng giữa các bộ phận liên quan

Đối với Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng, việc từng bước áp dụng chứng từ điện tử giúp nâng cao hiệu quả xử lý lô hàng nhập khẩu bằng đường hàng không, đồng thời cải thiện khả năng phối hợp giữa bộ phận chứng từ, khai báo hải quan và hiện trường.

Tuy nhiên, để áp dụng hiệu quả hệ thống chứng từ điện tử, doanh nghiệp cần đảm bảo cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp, đường truyền ổn định và đội ngũ nhân viên có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm nghiệp vụ. Ngoài ra, công ty cũng cần tăng cường bảo mật dữ liệu nhằm hạn chế rủi ro mất mát hoặc rò rỉ thông tin trong quá trình xử lý chứng từ điện tử.

1.2.2.5. Các nguyên tắc cơ bản trong nhập khẩu hàng hoá

Hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không có tính đặc thù về thời gian, chi phí và yêu cầu xử lý nghiệp vụ nên trong quá trình thực hiện cần tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản nhằm đảm bảo quá trình giao nhận diễn ra đúng quy định, an toàn và hiệu quả.

- Nguyên tắc tuân thủ pháp luật

Mọi hoạt động nhập khẩu hàng hóa phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế liên quan đến vận tải hàng không, hải quan và thương mại quốc tế.

Doanh nghiệp cần tuân thủ các quy định về khai báo hải quan, chính sách thuế, kiểm tra chuyên ngành và các yêu cầu về an ninh hàng không nhằm đảm bảo lô hàng được thông quan đúng quy định.

- Nguyên tắc đảm bảo thời gian giao nhận

Một trong những ưu điểm lớn nhất của vận tải hàng không là tốc độ vận chuyển nhanh. Vì vậy, quá trình xử lý lô hàng nhập khẩu cần được thực hiện kịp thời và chính xác để hạn chế tình trạng chậm trễ gây phát sinh chi phí lưu kho và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của khách hàng.

Doanh nghiệp cần chủ động theo dõi lịch bay, chuẩn bị hồ sơ đầy đủ và phối hợp

chặt chẽ giữa các bộ phận nhằm đảm bảo tiến độ nhận hàng.

- Nguyên tắc chính xác trong xử lý chứng từ

Các chứng từ liên quan đến lô hàng phải được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi khai báo hải quan nhằm đảm bảo tính thống nhất về thông tin như tên hàng, số lượng, trọng lượng, trị giá và mã HS.

Nếu chứng từ xảy ra sai sót hoặc không đồng nhất sẽ dễ dẫn đến tình trạng chậm thông quan, phải sửa tờ khai hoặc phát sinh thêm chi phí xử lý.

- Nguyên tắc đảm bảo an ninh và an toàn hàng hóa

Hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an ninh hàng không, kiểm tra soi chiếu và kiểm soát hàng hóa theo quy định của cơ quan chức năng.

Đối với các mặt hàng đặc biệt như pin lithium, hóa chất hoặc hàng dễ cháy nổ, doanh nghiệp cần thực hiện đúng quy trình đóng gói và khai báo theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

- Nguyên tắc phối hợp giữa các bộ phận

Trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không, các bộ phận như chứng từ, khai báo hải quan, hiện trường và vận tải nội địa cần phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo quá trình xử lý lô hàng diễn ra liên tục và hiệu quả.

Việc trao đổi thông tin đầy đủ và kịp thời giữa các bộ phận sẽ giúp hạn chế sai sót, nâng cao hiệu quả công việc và giảm thiểu rủi ro phát sinh trong quá trình giao nhận hàng hóa.

- Nguyên tắc tối ưu chi phí

Mặc dù vận tải hàng không có ưu thế về tốc độ nhưng chi phí thường cao hơn các phương thức vận chuyển khác. Vì vậy, doanh nghiệp cần có kế hoạch xử lý lô hàng hợp lý nhằm hạn chế các khoản chi phí phát sinh như lưu kho, lưu bãi, phí handling hoặc phí sửa đổi chứng từ.

Việc tối ưu quy trình xử lý và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận sẽ góp phần giảm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

1.3. Quy trình nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không

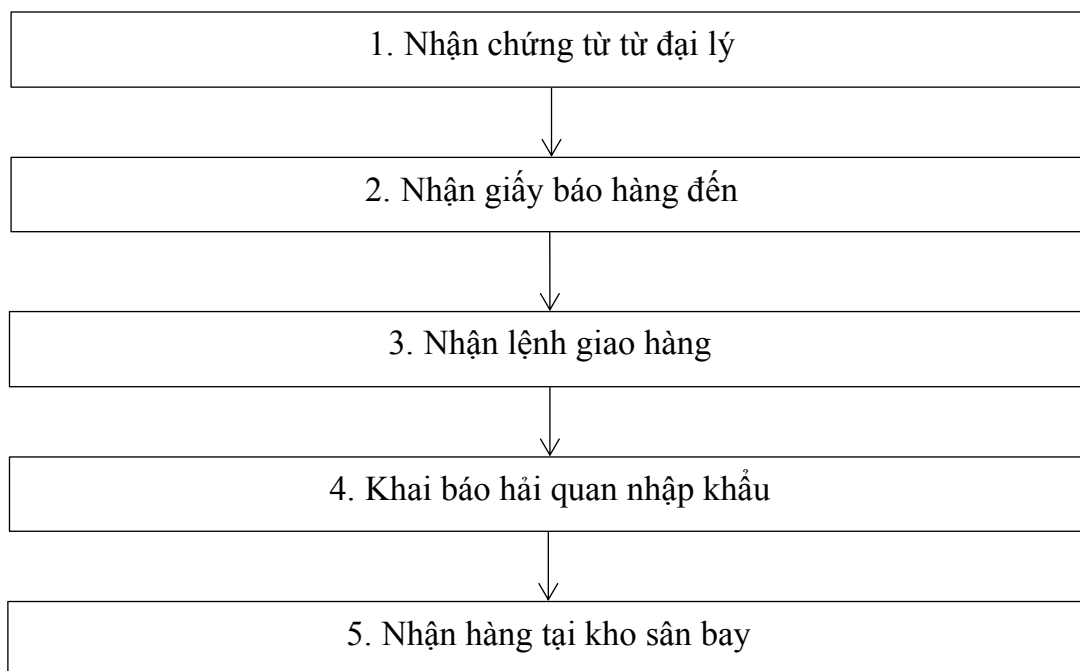
1.3.1. Hàng thông thường

Hàng thông thường trong vận tải hàng không là các loại hàng hóa không thuộc danh mục hàng nguy hiểm, hàng dễ cháy nổ hoặc hàng yêu cầu điều kiện bảo quản đặc

biệt. Các mặt hàng này có thể bao gồm linh kiện điện tử, hàng tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, thiết bị máy móc hoặc hàng thương mại thông thường.

Hàng hóa được vận chuyển từ sân bay xuất khẩu đến sân bay nhập khẩu thông qua các hãng hàng không quốc tế. Sau khi hàng đến sân bay đích, doanh nghiệp tiến hành thực hiện các thủ tục nhận hàng và thông quan theo quy định.

Các bước cơ bản của quy trình nhập khẩu hàng hóa thông thường bằng đường hàng không như sau:



Hình 1.1: Quy trình nhập khẩu hàng thông thường bằng đường hàng không

1.3.1.1. Nhận chứng từ từ đại lý

Sau khi hàng được vận chuyển từ nước xuất khẩu, đại lý hoặc người gửi hàng sẽ gửi thông tin lô hàng và bộ chứng từ liên quan cho công ty giao nhận thông qua email hoặc hệ thống điện tử.

Thông tin lô hàng thường bao gồm:

- Tên người gửi và người nhận
- Tên hàng hóa
- Số lượng kiện hàng
- Trọng lượng hàng hóa
- Số chuyến bay
- Ngày hàng đến
- Số vận đơn hàng không

Sau khi tiếp nhận chứng từ, nhân viên chứng từ của công ty sẽ tiến hành kiểm tra

và đối chiếu các thông tin liên quan nhằm đảm bảo tính chính xác trước khi thực hiện các bước tiếp theo.

Nếu phát hiện sai sót về tên hàng, số lượng, trọng lượng hoặc thông tin doanh nghiệp thì công ty sẽ liên hệ với đại lý hoặc người gửi để điều chỉnh kịp thời nhằm tránh ảnh hưởng đến quá trình khai báo hải quan.

1.3.1.2. Nhận giấy báo hàng đến

Khi hàng đến sân bay nhập khẩu, hãng hàng không hoặc đại lý giao nhận sẽ gửi giấy báo hàng đến (Arrival Notice) cho doanh nghiệp nhập khẩu hoặc công ty giao nhận.

Nội dung giấy báo hàng đến thường bao gồm:

- Số vận đơn
- Số chuyến bay
- Thời gian hàng đến thực tế
- Số lượng kiện hàng
- Trọng lượng hàng hóa
- Địa điểm lưu giữ hàng tại kho hàng không

Dựa trên thông tin này, công ty sẽ chủ động chuẩn bị hồ sơ nhận hàng, bố trí nhân sự thực hiện thủ tục hải quan và sắp xếp phương tiện vận chuyển hàng hóa.

1.3.1.3. Nhận lệnh giao hàng

Sau khi nhận được giấy báo hàng đến, công ty tiến hành thanh toán các khoản phí liên quan cho hãng hàng không hoặc đại lý giao nhận để lấy lệnh giao hàng.

Các khoản phí có thể bao gồm:

- Phí handling
- Phí lưu kho
- Phí chứng từ
- Phụ phí hàng không

Sau khi hoàn tất thanh toán, doanh nghiệp sẽ được cấp lệnh giao hàng để thực hiện thủ tục nhận hàng tại kho sân bay.

1.3.1.4. Khai báo hải quan nhập khẩu

Sau khi chuẩn bị đầy đủ chứng từ, công ty tiến hành khai báo hải quan điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS.

Bộ hồ sơ khai báo hải quan thường bao gồm:

- Hóa đơn thương mại

- Phiếu đóng gói
- Tờ khai hải quan
- Giấy báo hàng đến
- Chứng từ liên quan khác (nếu có)

Sau khi truyền tờ khai, hệ thống hải quan sẽ tiến hành phân luồng kiểm tra:

- Luồng xanh: miễn kiểm tra hồ sơ và hàng hóa
- Luồng vàng: kiểm tra hồ sơ
- Luồng đỏ: kiểm tra thực tế hàng hóa

Nếu hồ sơ hợp lệ và hoàn tất nghĩa vụ thuế, lô hàng sẽ được thông quan.

1.3.1.5. Nhận hàng tại kho sân bay

Sau khi tờ khai được thông quan, nhân viên hiện trường của công ty sẽ mang bộ hồ sơ xuống kho hàng không để làm thủ tục nhận hàng.

Tại kho sân bay, nhân viên tiến hành:

- Xuất trình hồ sơ nhận hàng
- Đối chiếu thông tin lô hàng
- Kiểm tra tình trạng thực tế hàng hóa
- Ký xác nhận giao nhận hàng

Nếu hàng hóa không có dấu hiệu hư hỏng hoặc thiếu hụt thì công ty sẽ tiến hành nhận hàng và đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan.

1.3.2. Hàng đông lạnh

Hàng đông lạnh nhập khẩu bằng đường hàng không là các loại hàng hóa yêu cầu điều kiện bảo quản nhiệt độ nghiêm ngặt trong suốt quá trình vận chuyển và lưu kho.

Các mặt hàng này thường bao gồm:

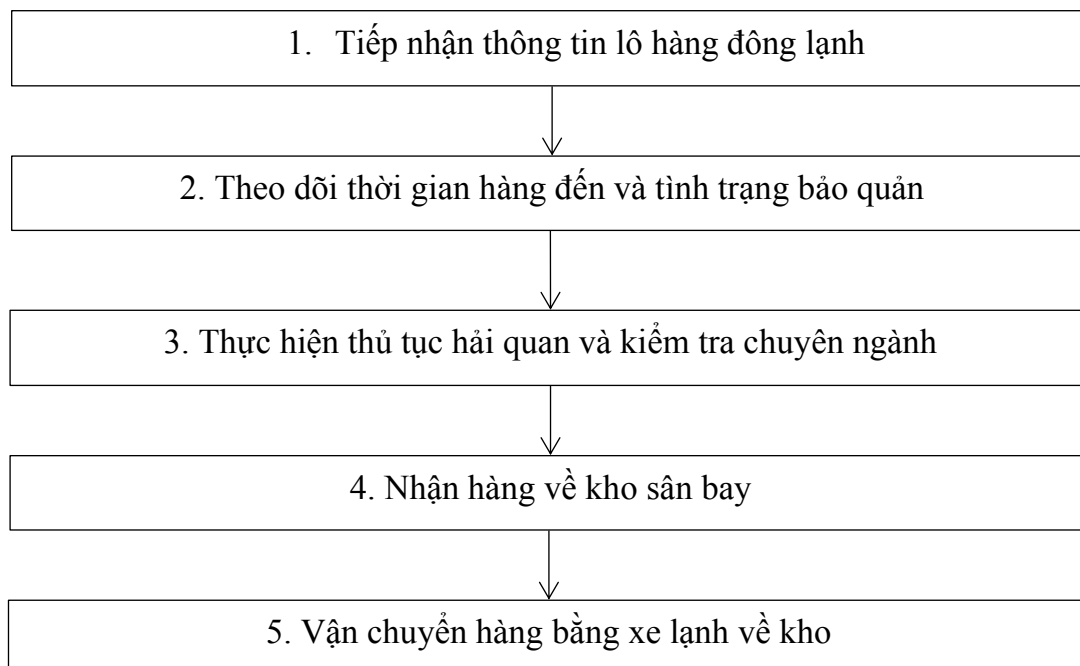
- Thực phẩm đông lạnh
- Thủy sản
- Dược phẩm
- Vaccine
- Hóa chất đặc biệt

Do tính chất đặc thù của hàng đông lạnh, quy trình nhập khẩu đòi hỏi doanh nghiệp phải xử lý nhanh chóng nhằm hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa.

Quy trình nhập khẩu hàng đông lạnh bằng đường hàng không cơ bản tương tự hàng thông thường, tuy nhiên có thêm một số yêu cầu đặc biệt về bảo quản và kiểm tra

chất lượng.

Các bước cơ bản của quy trình nhập khẩu hàng hóa đông lạnh bằng đường hàng không như sau:



Hình 1.2: Quy trình nhập khẩu hàng đông lạnh bằng đường hàng không

1.3.2.1. Tiếp nhận thông tin lô hàng đông lạnh

Trước khi hàng đến sân bay nhập khẩu, đại lý hoặc người gửi sẽ gửi thông tin lô hàng cùng các yêu cầu về nhiệt độ bảo quản cho công ty giao nhận.

Ngoài các chứng từ thông thường, hàng đông lạnh có thể kèm theo:

- Giấy chứng nhận kiểm dịch
- Giấy chứng nhận chất lượng
- Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm
- Chứng từ kiểm tra nhiệt độ

Nhân viên chứng từ cần kiểm tra kỹ các thông tin liên quan đến điều kiện bảo quản nhằm đảm bảo phù hợp với quy định nhập khẩu tại Việt Nam.

1.3.2.2. Theo dõi thời gian hàng đến và tình trạng bảo quản

Đối với hàng đông lạnh, thời gian nhận hàng là yếu tố rất quan trọng vì hàng hóa cần được bảo quản liên tục trong môi trường nhiệt độ phù hợp.

Công ty cần:

- Theo dõi chính xác lịch bay
- Chủ động liên hệ với kho hàng không
- Chuẩn bị phương tiện vận chuyển lạnh

- Sắp xếp nhân sự nhận hàng nhanh chóng

Nếu thời gian xử lý kéo dài hoặc nhiệt độ bảo quản không đảm bảo thì hàng hóa có thể bị giảm chất lượng hoặc hư hỏng.

1.3.2.3. Thực hiện thủ tục hải quan và kiểm tra chuyên ngành

Do phần lớn hàng đông lạnh thuộc nhóm hàng thực phẩm hoặc hàng kiểm dịch nên ngoài thủ tục hải quan thông thường, doanh nghiệp còn phải thực hiện thêm các thủ tục kiểm tra chuyên ngành.

Tùy theo loại hàng hóa, doanh nghiệp có thể phải thực hiện:

- Kiểm dịch động vật
- Kiểm dịch thực vật
- Kiểm tra an toàn thực phẩm
- Kiểm tra chất lượng hàng hóa

Sau khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, cơ quan chức năng mới cho phép thông quan lô hàng.

1.3.2.4. Nhận hàng về kho sân bay

Sau khi hoàn tất thủ tục thông quan, nhân viên hiện trường tiến hành nhận hàng tại khu vực kho lạnh của sân bay.

Trong quá trình nhận hàng cần kiểm tra:

- Tình trạng bao bì
- Nhiệt độ bảo quản
- Tình trạng thực tế hàng hóa
- Số lượng kiện hàng

Nếu phát hiện hàng có dấu hiệu hư hỏng hoặc nhiệt độ không đảm bảo thì doanh nghiệp cần lập biên bản xác nhận với kho hàng hoặc hãng vận chuyển để xử lý.

1.3.2.5. Vận chuyển hàng bằng xe về kho lạnh

Sau khi nhận hàng, công ty sử dụng xe tải lạnh chuyên dụng để vận chuyển hàng về kho khách hàng hoặc kho bảo quản.

Trong suốt quá trình vận chuyển, nhiệt độ bảo quản cần được duy trì ổn định nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa không bị ảnh hưởng.

Đối với các mặt hàng thực phẩm hoặc dược phẩm, việc kiểm soát nhiệt độ trong quá trình vận chuyển là yêu cầu bắt buộc nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và an toàn sử dụng.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu hàng hoá

1.4.1. Các yếu tố bên ngoài

Hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố từ môi trường bên ngoài. Những yếu tố này tác động trực tiếp đến thời gian giao nhận, chi phí logistics cũng như hiệu quả xử lý lô hàng của doanh nghiệp.

Thứ nhất, môi trường pháp lý và chính sách Nhà nước

Đây là yếu tố có ảnh hưởng lớn đến toàn bộ quá trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không. Các quy định liên quan đến thủ tục hải quan, chính sách thuế, kiểm tra chuyên ngành, kiểm dịch, an toàn hàng không và quản lý hàng hóa nhập khẩu đều tác động trực tiếp đến thời gian thông quan và chi phí của doanh nghiệp.

Hiện nay, Nhà nước đang đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và áp dụng hệ thống hải quan điện tử VNACCS/VCIS nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ. Tuy nhiên, các quy định pháp luật thường xuyên được sửa đổi, bổ sung nên doanh nghiệp phải liên tục cập nhật để tránh sai sót trong quá trình khai báo hải quan. Nếu thực hiện khai báo không chính xác hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp có thể bị chậm thông quan, phát sinh chi phí lưu kho hoặc bị xử phạt hành chính.

Đối với một số mặt hàng nhập khẩu bằng đường hàng không như thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm hoặc thiết bị điện tử còn phải thực hiện kiểm tra chuyên ngành. Điều này khiến quy trình xử lý lô hàng trở nên phức tạp hơn và làm kéo dài thời gian nhận hàng nếu doanh nghiệp không chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Thứ hai, yếu tố kinh tế

Tình hình kinh tế trong nước và quốc tế có ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu nhập khẩu hàng hóa và hoạt động của các doanh nghiệp logistics. Khi nền kinh tế phát triển ổn định, nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu, linh kiện và hàng tiêu dùng tăng lên, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không.

Tuy nhiên, vận tải hàng không là phương thức có chi phí cao nên rất nhạy cảm với các biến động kinh tế như giá nhiên liệu, tỷ giá ngoại tệ và phụ phí hàng không. Khi giá nhiên liệu tăng hoặc tỷ giá USD biến động mạnh sẽ làm chi phí vận chuyển tăng theo, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tình trạng lạm phát hoặc suy thoái kinh tế toàn cầu cũng có thể khiến nhu cầu nhập khẩu giảm, dẫn đến sản lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không sụt giảm. Điều này tạo áp lực cạnh tranh lớn đối với các công ty logistics

trong việc duy trì khách hàng và tối ưu chi phí dịch vụ.

Thứ ba, yếu tố công nghệ

Sự phát triển của công nghệ thông tin đang làm thay đổi đáng kể hoạt động logistics và giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đã ứng dụng phần mềm quản lý lô hàng, theo dõi vận đơn điện tử và cập nhật trạng thái hàng hóa theo thời gian thực nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Đối với doanh nghiệp giao nhận, việc ứng dụng công nghệ giúp rút ngắn thời gian xử lý chứng từ, hạn chế sai sót trong quá trình nhập liệu và nâng cao khả năng phối hợp giữa các bộ phận. Đồng thời, khách hàng cũng có thể dễ dàng theo dõi tình trạng lô hàng thông qua hệ thống trực tuyến, từ đó nâng cao tính minh bạch và chất lượng dịch vụ.

Tuy nhiên, việc đầu tư công nghệ đòi hỏi doanh nghiệp phải có nguồn tài chính và đội ngũ nhân viên có khả năng sử dụng hệ thống phần mềm chuyên ngành. Nếu doanh nghiệp vẫn duy trì hình thức xử lý thủ công hoặc quản lý dữ liệu rời rạc thì rất dễ xảy ra chậm trễ trong quá trình xử lý lô hàng.

Thứ tư, yếu tố cạnh tranh trong ngành Logistics

Hiện nay, số lượng doanh nghiệp logistics và giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không ngày càng gia tăng, tạo ra môi trường cạnh tranh rất lớn. Các doanh nghiệp không chỉ cạnh tranh về giá dịch vụ mà còn cạnh tranh về thời gian xử lý hàng hóa, chất lượng phục vụ và khả năng chăm sóc khách hàng.

Nhiều công ty logistics lớn đã đầu tư mạnh vào công nghệ, mở rộng mạng lưới đại lý quốc tế và nâng cao năng lực vận hành nhằm thu hút khách hàng. Điều này tạo áp lực cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc duy trì thị phần và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Ngoài ra, khách hàng hiện nay ngày càng yêu cầu cao hơn về tính chính xác, tốc độ giao hàng và khả năng cập nhật thông tin lô hàng. Nếu doanh nghiệp không cải thiện chất lượng dịch vụ thì rất dễ mất khách hàng vào tay đối thủ cạnh tranh.

1.4.2. Các yếu tố bên trong

Thứ nhất, nguồn nhân lực và trình độ nghiệp vụ

Đội ngũ nhân viên là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả xử lý lô hàng nhập khẩu bằng đường hàng không. Nhân viên chứng từ, khai báo hải quan và hiện trường cần có kiến thức chuyên môn về ngoại thương, vận tải hàng không và quy định hải quan

để xử lý công việc chính xác.

Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn tình trạng nhân viên chưa có nhiều kinh nghiệm hoặc chưa nắm rõ quy trình xử lý lô hàng. Điều này dễ dẫn đến sai sót trong quá trình khai báo hải quan, kiểm tra chứng từ hoặc làm thủ tục nhận hàng. Nếu xảy ra sai sót, doanh nghiệp có thể bị chậm thông quan hoặc phát sinh thêm chi phí xử lý.

Áp lực công việc lớn cũng ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của nhân viên. Trong nhiều trường hợp, một nhân viên phải xử lý nhiều lô hàng cùng lúc nên dễ xảy ra nhầm lẫn hoặc bỏ sót thông tin.

Thứ hai, khả năng quản lý và kiểm soát chứng từ

Trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không, bộ chứng từ đóng vai trò rất quan trọng. Nếu doanh nghiệp không kiểm tra kỹ các chứng từ như AWB, Invoice, Packing List hoặc tờ khai hải quan thì rất dễ xảy ra sai lệch thông tin.

Một số doanh nghiệp hiện nay vẫn lưu trữ chứng từ theo phương pháp thủ công nên việc tìm kiếm và quản lý dữ liệu còn mất nhiều thời gian. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến tiến độ xử lý lô hàng mà còn làm tăng nguy cơ thất lạc chứng từ hoặc sai sót trong quá trình đối chiếu thông tin.

Thứ ba, khả năng tài chính của doanh nghiệp

Hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không thường phát sinh nhiều khoản chi phí như cước vận chuyển, phí handling, phí lưu kho, thuế nhập khẩu và các phụ phí khác. Vì vậy, doanh nghiệp cần có nguồn vốn lưu động ổn định để đảm bảo quá trình thanh toán diễn ra đúng thời hạn.

Nếu doanh nghiệp không chủ động về tài chính hoặc quản lý công nợ không tốt thì rất dễ xảy ra tình trạng chậm thanh toán cho hãng bay hoặc đối tác, ảnh hưởng đến tiến độ nhận hàng và uy tín của công ty.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã trình bày những cơ sở lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại doanh nghiệp logistics. Thông qua việc tổng hợp các tài liệu chuyên ngành, văn bản pháp luật và kiến thức nghiệp vụ thực tế, chương đã làm rõ các khái niệm về nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không, và vai trò của vận tải hàng không trong hoạt động thương mại quốc tế hiện nay.

Bên cạnh đó, chương cũng đã phân tích đặc điểm, vai trò và quy trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không, từ khâu tiếp nhận thông tin lô hàng, nhận chứng từ, khai báo hải quan, nhận lệnh giao hàng cho đến quá trình nhận hàng tại kho hàng không.

Ngoài ra, chương cũng đã đề cập đến các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không, bao gồm cả các yếu tố bên ngoài như môi trường pháp lý, kinh tế và các yếu tố bên trong như trình độ nhân sự, quy trình xử lý chứng từ, khả năng tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, chương cũng phân tích xu hướng phát triển của ngành logistics và vận tải hàng không trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển logistics xanh hiện nay.

Nhìn chung, những nội dung lý luận được trình bày trong chương 1 là cơ sở quan trọng để phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng ở chương tiếp theo. Qua đó làm nền tảng cho việc đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện quy trình nhập khẩu, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của công ty trong thời gian tới.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CỦA HOẠT ĐỘNG NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG CỦA CÔNG TY TNHH TM&DV GNHH F.D.I TẠI ĐÀ NẴNG

2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I Đà Nẵng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH TM&DV GNHH F.D.I được thành lập vào ngày 16/4/2003 với mục đích duy nhất là trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực giao nhận vận tải hàng hóa tại Việt Nam. Với phương châm “Chúng tôi luôn đồng hành cùng các bạn”, doanh nghiệp luôn luôn đáp ứng yêu cầu của khách hàng và đối tác bằng dịch vụ giao nhận vận tải chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, với hệ thống các văn phòng trải tại hầu hết các sân bay, cảng biển quốc tế chính của Việt Nam như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, doanh nghiệp cam kết sẽ mang đến dịch vụ tốt nhất cho khách hàng trên mọi miền đất nước.

Từ năm 2003, doanh nghiệp đã được cấp phép hoạt động như một đại lý môi giới hải quan và có thể phục vụ khách hàng dịch vụ khai thuê tất cả các loại hình hải quan hiện có.

Một số thông tin cơ bản về Công ty TNHH TM&DV GNHH F.D.I như sau:

- Tên giao dịch: F.D.I CO.,LTD
- Loại hình doanh nghiệp: công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên
- Đại diện pháp lí: Trần Hữu Nghĩa
- Trụ sở chính: 39B Lầu 9 Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Website: <http://www.fdivn.com/>
- Điện thoại: 0839977779
- Ngày hoạt động: 16/4/2003
- Mã số thuế: 0302921906



- Biểu tượng công ty:

Sau 1 năm thành lập, trong năm 2004 Công ty FDI đã tham gia vào liên minh hàng hóa thế giới (WCA) ngày 2/7/2004 và cũng trong tháng 7 này doanh nghiệp tham

gia CGLN.

Không dừng lại đó, vào ngày 16/3/2005, công ty là thành viên hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA), tháng 8/2005 trở thành viên của hiệp hội những nhà vận chuyển giao nhận quốc tế (FIATA) và còn là thành viên tích cực của VLA - hiệp hội kho vận Việt Nam vào ngày 14/7/2005.

Để thuận tiện hơn trong việc kinh doanh, công ty đã thành lập chi nhánh tại Hà Nội vào ngày 17/9/2007, thông tin cơ bản như sau:

- Địa chỉ: Tầng 22 tòa nhà PVI, lô VP2 đường Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Người đại diện: Trần Thị Phượng Liên
- Điện thoại: 0437958979
- Ngày hoạt động: 17/9/2007
- Mã số thuế: 0302921906-001

Ngày 1/4/2010, Công ty FDI quyết định sáp nhập với Kerry Logistics Network (KLN). Cũng vào thời điểm này, khẳng định được tầm quan trọng của Cảng Hải Phòng, FDI tiếp tục phát triển thành lập thêm chi nhánh tại Hải Phòng vào ngày 20/4/2010:

- Địa chỉ: Phòng 602, tầng 6, tòa nhà EIC, số 1/10B đường Lê Hồng Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Người đại diện: Trần Thị Phượng Liên
- Điện thoại: 02253727991
- Ngày hoạt động: 20/4/2010
- Mã số thuế: 0302921906-002

Sau khi mở rộng chi nhánh tại Hà Nội và Hải Phòng, hai chi nhánh trên lập tức trở thành thành viên của WCA vào ngày 29/4/2010.

Tiếp theo đó, nhận thấy đà phát triển ở Đà Nẵng, ngày 2/8/2010 thành lập chi nhánh Công ty FDI tại Đà Nẵng:

- Địa chỉ: Khu A Tầng 5 số 218 Bạch Đằng, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Người đại diện: Trần Hữu Nghĩa
- Điện thoại: 05113827979
- Ngày hoạt động: 2/8/2010
- Mã số thuế: 0302921906-003

Vào ngày 27/11/2011, Công ty đạt chứng nhận ISO 9001:2008 một lần nữa khẳng định tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của mình. Đến ngày 18/7/2013, chi nhánh Công ty FDI tại Đà Nẵng tiếp nối tham gia WCA. Chưa dừng lại đó, Công ty còn thành lập kho số 1 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 Đồng Nai vào ngày 15/5/2017.

Trong thời gian 6/2017 đến nay, Công ty FDI không ngừng lớn mạnh, phát triển để trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực giao nhận vận tải hàng hóa tại Việt Nam theo mục đích đã đề ra từ trước, từng bước trở thành đối tác đáng tin cậy, đồng hành cùng với sự phát triển của khách hàng.

2.1.2. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Tầm nhìn của công ty

Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I định hướng trở thành một trong những doanh nghiệp logistics uy tín và có vị thế vững chắc trên thị trường trong nước cũng như quốc tế. Trong bối cảnh ngành logistics ngày càng phát triển và cạnh tranh mạnh mẽ, công ty luôn đặt mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng lưới hoạt động và từng bước xây dựng thương hiệu riêng trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa.

Không chỉ tập trung vào hoạt động vận tải và giao nhận, công ty còn chú trọng đầu tư vào công nghệ, nâng cao năng lực quản lý và cải thiện quy trình làm việc nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Với định hướng phát triển lâu dài, F.D.I mong muốn trở thành đối tác đáng tin cậy của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, góp phần hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động xuất nhập khẩu và chuỗi cung ứng hàng hóa.

Sứ mệnh của công ty

Sứ mệnh của Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I là cung cấp cho khách hàng các dịch vụ logistics chất lượng, an toàn và hiệu quả, đảm bảo hàng hóa được vận chuyển đúng thời gian và đúng yêu cầu. Công ty luôn đặt sự hài lòng của khách hàng làm mục tiêu trong quá trình hoạt động, từ đó không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ và nâng cao tính chuyên nghiệp trong từng khâu thực hiện.

Ngoài hoạt động giao nhận vận tải thông thường, F.D.I còn hướng đến vai trò là đơn vị cung cấp giải pháp logistics toàn diện cho khách hàng. Công ty hỗ trợ khách hàng trong nhiều công đoạn như khai báo hải quan, vận tải quốc tế, lưu kho, giao nhận nội địa và các thủ tục liên quan đến xuất nhập khẩu. Thông qua đó, công ty mong muốn góp phần giúp khách hàng tiết kiệm thời gian, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động

kinh doanh.

Công ty cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc ổn định, tạo điều kiện để đội ngũ nhân viên nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng và các đối tác trong ngành.

Giá trị cốt lõi của công ty

- Tinh thần phục vụ khách hàng

Công ty luôn xem khách hàng là yếu tố quan trọng trong quá trình hoạt động và phát triển. Vì vậy, F.D.I luôn chú trọng đến chất lượng phục vụ, thái độ làm việc cũng như khả năng hỗ trợ khách hàng trong từng lô hàng cụ thể. Công ty hướng đến việc giải quyết nhanh chóng các yêu cầu phát sinh, đảm bảo quá trình giao nhận được diễn ra thuận lợi và đúng tiến độ.

Đội ngũ nhân viên luôn chủ động lắng nghe nhu cầu của khách hàng để đưa ra phương án phù hợp, góp phần tạo sự yên tâm và tin tưởng trong quá trình hợp tác lâu dài.

- Năng lực phát triển không ngừng

Trong điều kiện thị trường logistics có nhiều thay đổi và mức độ cạnh tranh ngày càng cao, công ty luôn ý thức được việc phải không ngừng hoàn thiện và nâng cao năng lực hoạt động. F.D.I thường xuyên cải thiện quy trình làm việc, cập nhật kiến thức chuyên môn và ứng dụng công nghệ vào quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc.

Công ty cũng rất quan tâm đến việc đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và xu hướng phát triển của ngành logistics hiện nay.

- Chuyên nghiệp và trách nhiệm

F.D.I luôn đề cao tinh thần làm việc chuyên nghiệp trong mọi hoạt động. Từ khâu tiếp nhận thông tin, xử lý chứng từ đến giao nhận hàng hóa đều được thực hiện theo quy trình cụ thể nhằm hạn chế sai sót và đảm bảo tiến độ công việc.

Công ty luôn có trách nhiệm đối với dịch vụ mà mình cung cấp, sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp xử lý khi phát sinh vấn đề trong quá trình giao nhận hàng hóa. Đây cũng là yếu tố góp phần giúp công ty tạo dựng được uy tín và niềm tin đối với khách hàng cũng như các đối tác.

- Hợp tác và phát triển bền vững

Công ty luôn chú trọng xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng,

hãng hàng không, đại lý và các đối tác trong và ngoài nước. F.D.I quan niệm rằng sự hợp tác ổn định và cùng có lợi sẽ tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Bên cạnh mục tiêu phát triển doanh nghiệp, công ty cũng hướng đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng ổn định, hiệu quả và phù hợp với xu hướng phát triển chung của ngành logistics hiện đại.

- Đổi mới và nhập hội

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, công ty luôn chủ động đổi mới phương thức hoạt động và ứng dụng công nghệ vào quá trình quản lý, giao nhận hàng hóa. Việc cập nhật các phần mềm quản lý, hệ thống theo dõi hàng hóa và khai báo điện tử giúp công ty nâng cao hiệu quả làm việc và giảm thiểu sai sót trong quá trình thực hiện dịch vụ.

Công ty F.D.I cũng không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và từng bước hội nhập sâu hơn vào thị trường logistics toàn cầu.

2.1.3. Lĩnh vực kinh doanh

Với vai trò là công ty thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa quốc tế, công ty đứng ra với tư cách đại diện cho nhà xuất nhập khẩu hoàn tất quá trình vận chuyển hàng hóa từ người gửi hàng đến tận tay nơi gửi hàng đến nơi nhận hàng. Các dịch vụ mà công ty thực hiện bao gồm:

- Dịch vụ hàng không: FDI làm việc trực tiếp với hầu hết các hãng bay đang hoạt động tại Việt Nam. Ngoài ra, FDI hoạt động dưới hình thức là Tổng Đại Lý cho các hãng hàng không (GSA) tại Việt Nam. Công ty còn cung cấp dịch vụ khai báo hàng tươi sống, hàng nguy hiểm bao gồm hóa chất, khí nén, chất lỏng dễ cháy và độc hại, hơn nữa bao gồm cả hàng giá trị và dễ hư hỏng.
- Vận tải đường biển: là đối tác và đại lý của nhiều hãng tàu nổi tiếng, FDI chuyên cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng nguyên container (FCL) và lẻ (LCL) đến tất cả cảng biển trên khắp thế giới.
- Dịch vụ thông quan: Được cấp giấy phép từ 2003, FDI có thể xử lý tất cả các thủ tục hải quan cho hàng hóa đường hàng không, đường biển cả ngày đêm và nội địa từ đầu đến cuối.
- Dịch vụ chuỗi cung ứng: là nhà cung cấp dịch vụ kho bãi và vận chuyển

chuyên nghiệp, FDI mang đến dịch vụ kho bãi ở một tầm vóc mới bằng cách quản lý toàn bộ quy trình dịch vụ với hệ thống và mạng lưới vận chuyển để thực hiện công việc chuỗi cung ứng rộng khắp thế giới.

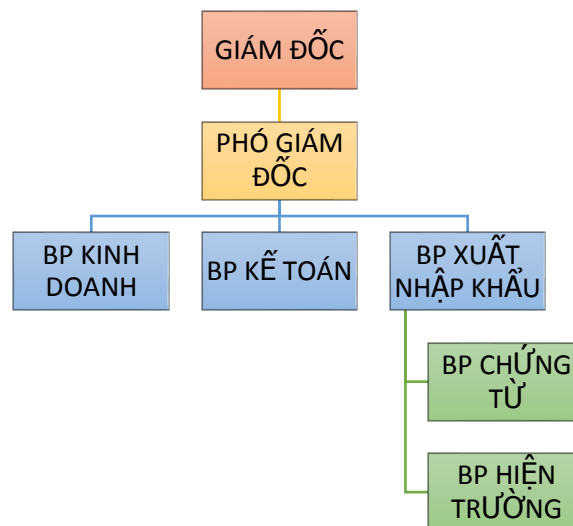
- Vận chuyển hàng hóa: FDI ngày càng cải tiến dịch vụ thông quan và vận chuyển hàng hóa qua biên giới đường bộ/ đường sắt, mở rộng nhiều tuyến đường liên lục địa. Bên cạnh đó còn có thực hiện dịch vụ giao nhận hàng hóa cho dự án, giao nhận hàng hóa cho triển lãm và hội chợ.
- Dịch vụ nội địa: cung cấp dịch vụ vận chuyển đường bộ tốt nhất với cam kết hàng hóa sẽ được giao trong thời gian nhanh nhất và giá cả cạnh tranh. Ngoài ra cung cấp hệ thống nhà kho, bãi chất lượng cao gồm kho ngoại quan, kho hàng thông thường và kho hàng lẻ.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ

2.1.3.1. Sơ đồ tổ chức

Công ty hoạt động theo mô hình kết hợp trực tuyến - chức năng. Mô hình này giúp nhân sự công ty thực hiện phân chia nhiệm vụ rõ ràng và phù hợp với lĩnh vực từng cá nhân đã được đào tạo.

Sơ đồ tổ chức nhân sự công ty gồm:



Hình 2.1: Cơ cấu tổ chức nhân sự của công ty

(Nguồn: Nội bộ Công ty FDI)

2.1.3.2. Chức năng của các bộ phận

- Giám đốc: là người đứng đầu công ty, điều hành quản lý hoạt động giao nhận của công ty. Bên cạnh đó định hướng phát triển, hoạch định chiến lược và chịu toàn bộ trách nhiệm về công ty trước pháp luật và ra các quyết định: phân công, bổ nhiệm cấp

dưới, khen thưởng, kỷ luật các nhân viên trong công ty.

- Phó Giám đốc: là người được Giám đốc ủy quyền trực tiếp điều hành các hoạt động của công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ và các mục tiêu chiến lược mà Giám đốc đã đề ra.

- Bộ phận kế toán:

- Giải quyết các hoạt động tài chính kế toán trong quá trình luân chuyển vốn và kinh doanh dịch vụ, mối quan hệ trong nội bộ công ty và giữa các công ty với các đơn vị trong ngoài nước.
- Xử lý, theo dõi các số liệu, lưu trữ sổ sách của công ty, ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, và báo cáo lên cho ban Giám đốc theo từng tháng, quý, năm.
- Thanh toán các phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty đồng thời lên kế hoạch tài vụ trên cơ sở lưu chuyển hàng hóa của phòng kinh doanh XNK.
- Tổ chức công tác kế toán, lập kế hoạch các nguồn vốn, chi phí từ đó tham mưu cho ban giám đốc để sử dụng nguồn vốn kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

- Bộ phận chứng từ : liên hệ với khách hàng để biết chi tiết hàng hóa, đặt chỗ với hãng tàu, chuẩn bị mọi chứng từ liên quan đến hàng hóa, quản lý và lưu trữ hồ sơ. Kiểm tra giấy tờ xuất nhập khẩu, đảm bảo giấy tờ phải hợp lệ, đúng pháp luật. Kiểm tra và phân luồng hàng hóa, đảm bảo hàng hóa hợp pháp. Thực hiện các hoạt động khai báo trên phần mềm hải quan. Hướng dẫn nhân viên hiện trường làm những thủ tục cần thiết để thông quan hàng hóa.

- Bộ phận hiện trường: làm thủ tục hải quan, giao nhận hàng và kiểm hàng.

- Bộ phận kinh doanh: Đây là bộ phận trung tâm đầu não quan trọng nhất trong công ty, bộ phận kinh doanh gồm có các mảng: mua bán cước vận tải nội địa, quốc tế. Nhân viên kinh doanh tìm kiếm khách hàng, tiếp nhận nhu cầu xuất nhập khẩu của đại lý hoặc khách hàng có nhu cầu, chào giá dịch vụ của công ty đến đại lý, khách hàng, đàm phán với các hãng tàu, hãng hàng không để có giá cước tốt nhất cho khách hàng... Sau đó tiến hành xem xét và báo giá, hai bên thỏa thuận và ký kết hợp đồng giao nhận.

2.1.4. Nguồn lực

2.1.4.1. Cơ sở vật chất

Bảng 2.1: Cơ sở vật chất của công ty

STT	Trang thiết bị / Cơ sở vật chất	Số lượng	Tình trạng sử dụng	Mục đích sử dụng
1	Máy tính để bàn	10 bộ	Tốt	Xử lý chứng từ, khai báo hải quan điện tử, theo dõi lô hàng
2	Laptop	5 bộ	Tốt	Làm việc linh hoạt, xử lý nghiệp vụ hiện trường
3	Máy in	3 máy	Tốt	In tờ khai, vận đơn, chứng từ xuất nhập khẩu
4	Máy photocopy	2 máy	Tốt	Sao lưu hồ sơ và chứng từ
5	Máy scan	3 máy	Tốt	Scan chứng từ gửi khách hàng và đối tác
6	Điện thoại bàn	5 máy	Tốt	Liên hệ khách hàng, hãng bay và đại lý
7	Hệ thống Wifi/Internet	1 hệ thống	Ổn định	Phục vụ khai báo VNACCS và trao đổi dữ liệu
8	Phần mềm quản lý vận đơn và lô hàng	1 hệ thống	Tốt	Theo dõi tiến độ hàng hóa Air Cargo
9	Camera giám sát văn phòng	4 camera	Tốt	Đảm bảo an ninh và quản lý hoạt động
10	Bàn làm việc nhân viên	15 bộ	Tốt	Phục vụ công việc văn phòng
11	Tủ lưu trữ hồ sơ	4 tủ	Tốt	Lưu trữ chứng từ xuất nhập khẩu
12	Máy điều hòa	3 máy	Tốt	Đảm bảo môi trường làm việc

(Nguồn: nội bộ Công ty F.D.I)

2.1.4.2. Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực của Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I nói chung:

Hiện nay, Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I sở hữu đội ngũ nhân sự tương đối ổn định và có chuyên môn trong lĩnh vực logistics, giao nhận vận tải quốc tế và khai báo hải quan. Theo thông tin từ doanh nghiệp và các trang tuyển dụng, công ty hiện có khoảng 240 nhân viên chính thức đang làm việc tại hệ thống văn phòng trên toàn quốc như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Lạng Sơn.

Đội ngũ nhân sự của công ty được phân bổ tại nhiều bộ phận khác nhau nhằm đảm bảo quá trình vận hành dịch vụ logistics diễn ra liên tục và hiệu quả. Phần lớn nhân viên đều được đào tạo chuyên ngành liên quan đến logistics, ngoại thương, xuất nhập khẩu hoặc kinh doanh quốc tế. Ngoài kiến thức chuyên môn, nhân viên còn được hướng dẫn sử dụng các hệ thống khai báo hải quan điện tử VNACCS/VCIS, phần mềm quản lý vận đơn và quy trình xử lý hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường hàng không và đường biển.

Nguồn nhân lực của Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng nói riêng:

Chi nhánh Đà Nẵng là một trong những văn phòng đại diện quan trọng của Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I tại khu vực miền Trung, chuyên thực hiện các hoạt động giao nhận hàng hóa quốc tế, khai báo hải quan và xử lý hàng Air Cargo tại sân bay quốc tế Đà Nẵng.

Mặc dù quy mô nhân sự tại chi nhánh chưa quá lớn so với trụ sở chính, tuy nhiên đội ngũ nhân viên vẫn đáp ứng tương đối tốt nhu cầu hoạt động thực tế của công ty. Hiện nay, chi nhánh Đà Nẵng có khoảng từ 15 – 20 nhân sự làm việc ở các bộ phận khác nhau, bao gồm:

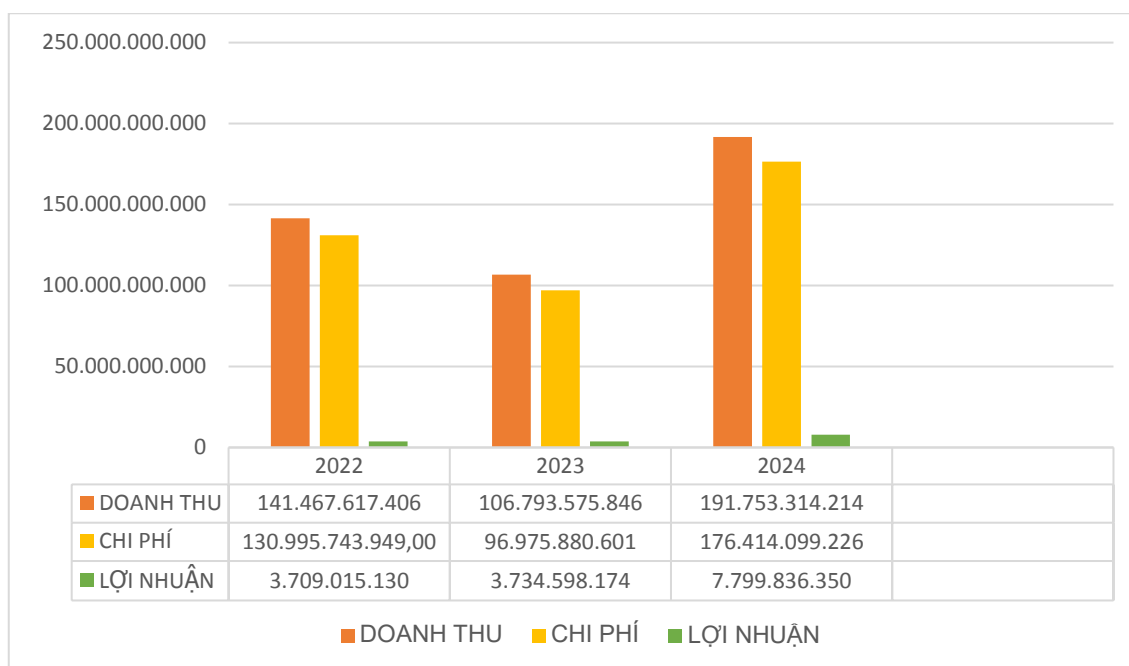
Bảng 2.2: Nhân sự của công ty

STT	Bộ phận	Số lượng nhân sự (tham khảo)	Nhiệm vụ chính
1	Bộ phận chứng từ	5 nhân viên	Xử lý chứng từ xuất nhập khẩu, kiểm tra hồ sơ
2	Bộ phận khai báo hải quan	4 nhân viên	Truyền tờ khai VNACCS, xử lý thủ tục hải quan
3	Bộ phận hiện trường	3 nhân viên	Làm thủ tục tại sân bay, kho hàng và hải quan
4	Bộ phận kinh doanh & CSKH	3 nhân viên	Tìm kiếm khách hàng và chăm sóc khách hàng
5	Bộ phận kế toán – hành chính	2 nhân viên	Theo dõi công nợ, chi phí và hồ sơ nội bộ

*(Nguồn: nội bộ Công ty F.D.I)***2.1.5. Tình hình hoạt động trong ba năm gần đây từ 2022 – 2024 tại công ty FDI chi nhánh Đà Nẵng****Bảng 2.3: Kết quả hoạt động của công ty từ 2022 - 2024***(ĐVT: VND)*

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	2024	22/23 (%)	23/24 (%)
1	Doanh thu bán hàng & CCDV	141.467.617.406	106.793.575.846	191.753.314.214	24,51	79,56
2	Doanh thu thuần	141.467.617.406	106.793.575.846	191.753.314.214	24,51	79,56
3	Giá vốn bán hàng	130.995.743.949	96.975.880.601	176.414.099.226	25,97	81,92
4	Doanh thu tài chính	188.942.620	39.024.340	91.625.643	79,35	134,78
5	Chi phí tài chính	71.878.965	62.136.771	92.083.224	- 13,55	48,19
6	Chi phí QLDN	5.952.668.199	5.126.335.096	5.588.961.970	13,88	9,03
7	Lợi nhuận trước thuế	4.636.268.913	4.668.247.718	9.749.795.437	0,69	108,90
8	Thuế TNDN	927.253.783	933.649.544	1.949.959.087	0,69	108,90
9	Lợi nhuận sau thuế	3.709.015.130	3.734.598.174	7.799.836.350	0,69	108,90

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty F.D.I)



(Nguồn: Phòng kế toán Công ty F.D.I)

Biểu đồ 2.1: Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của công ty từ 2022 - 2024

Đánh giá:

Nhìn chung, trong giai đoạn 2022–2024, hoạt động kinh doanh của công ty có sự biến động nhất định qua từng năm, chịu ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế thế giới cũng như sự phục hồi sau đại dịch Covid-19. Cụ thể như sau:

– Về doanh thu:

Tổng doanh thu năm 2022 đạt 141,467,617,406 VND. Sang năm 2023, doanh thu có xu hướng giảm, chỉ còn 106,793,575,846 VND, tương ứng mức giảm đáng kể so với năm trước. Đến năm 2024, doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 191,753,314,214 VND, cho thấy sự phục hồi rõ rệt của hoạt động kinh doanh.

Nguyên nhân: Năm 2023, nền kinh tế thế giới vẫn còn chịu ảnh hưởng kéo dài từ hậu Covid-19, cùng với đó là sự suy giảm nhu cầu vận chuyển quốc tế khiến hoạt động xuất nhập khẩu gặp nhiều khó khăn, làm giảm doanh thu của doanh nghiệp. Tuy nhiên, bước sang năm 2024, khi tình hình kinh tế dần ổn định, nhu cầu vận chuyển hàng hóa tăng trở lại, đặc biệt trong lĩnh vực hàng không, công ty đã tận dụng tốt cơ hội thị trường, mở rộng hoạt động kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ, từ đó giúp doanh thu tăng trưởng mạnh.

– Về chi phí:

Chi phí của công ty năm 2022 là 130,995,743,949 VND, giảm xuống còn 96,975,880,601 VND vào năm 2023, tương ứng với xu hướng giảm của doanh thu. Tuy

nhiên, đến năm 2024, chi phí tăng mạnh lên 176,414,099,226 VND.

Nguyên nhân: Việc chi phí giảm trong năm 2023 là do doanh nghiệp thu hẹp quy mô hoạt động nhằm thích ứng với tình hình thị trường khó khăn, đồng thời thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí. Đến năm 2024, khi hoạt động kinh doanh được mở rộng trở lại, các khoản chi phí như vận tải, kho bãi, nhân công và dịch vụ logistics gia tăng đáng kể. Ngoài ra, sự biến động của giá nhiên liệu và chi phí vận tải hàng không cũng góp phần làm tổng chi phí tăng cao.

– Về lợi nhuận trước thuế:

Năm 2022, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 3,709,015,130 VND. Đến năm 2023, lợi nhuận tăng nhẹ lên 3,734,598,174 VND. Sang năm 2024, lợi nhuận tăng mạnh, đạt 7,799,836,350 VND, gần gấp đôi so với năm trước.

Nguyên nhân: Mặc dù doanh thu năm 2023 giảm nhưng nhờ kiểm soát tốt chi phí, công ty vẫn duy trì được mức lợi nhuận ổn định. Đến năm 2024, sự gia tăng mạnh mẽ của doanh thu cùng với hiệu quả trong việc tổ chức hoạt động kinh doanh đã giúp lợi nhuận tăng trưởng vượt bậc. Điều này cho thấy doanh nghiệp không chỉ phục hồi mà còn nâng cao được hiệu quả hoạt động.

Nhận xét:

Dựa theo bảng số liệu trên có thể thấy rằng công ty đã trải qua giai đoạn biến động nhưng đang dần phục hồi và phát triển ổn định. Đặc biệt, năm 2024 đánh dấu bước tăng trưởng rõ rệt cả về doanh thu lẫn lợi nhuận, cho thấy doanh nghiệp đã có những chiến lược kinh doanh phù hợp với bối cảnh thị trường. Kết quả đạt được là minh chứng cho sự nỗ lực của toàn thể nhân viên cũng như định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo công ty trong việc thích ứng và phát triển sau giai đoạn khó khăn.

2.1.6. Tình hình nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không từ 2022 – 2024 của Công ty F.D.I chi nhánh Đà Nẵng

Bảng 2.4: Doanh thu hoạt động nhập khẩu của công ty từ 2022 - 2024

Dịch vụ	2022		2023		2024	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nhập khẩu	3,200,000,000	64.00	2,400,000,000	60.00	5,600,000,000	62.22
Nội địa	1,200,000,000	24.00	1,000,000,000	25.00	2,100,000,000	23.33
Khác	600,000,000	12.00	600,000,000	15.00	1,300,000,000	14.45
TỔNG	5,000,000,000	100	4,000,000,000	100	9,000,000,000	100

(Nguồn: nội bộ Công ty F.D.I)

Đánh giá:

Nhìn chung, trong giai đoạn 2022–2024, cơ cấu doanh thu dịch vụ nhập khẩu bằng đường hàng không của công ty có sự biến động nhưng vẫn giữ được xu hướng ổn định, trong đó dịch vụ nhập khẩu luôn chiếm tỷ trọng chủ đạo. Cụ thể như sau:

– Về nhập khẩu:

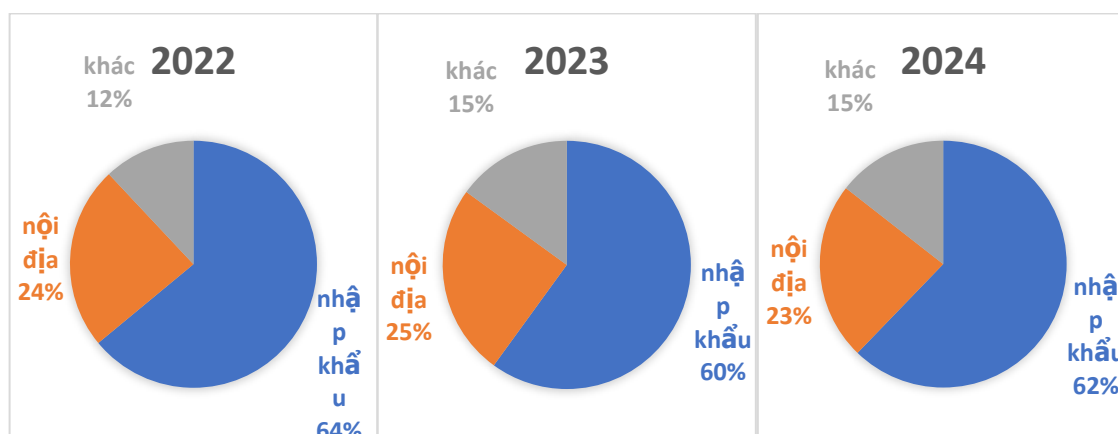
Doanh thu từ hoạt động nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu dịch vụ hàng không, lần lượt đạt 64% năm 2022, giảm xuống 60% năm 2023 và tăng trở lại 62,22% vào năm 2024. Điều này cho thấy nhập khẩu vẫn là hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp. Năm 2023 ghi nhận sự sụt giảm do ảnh hưởng chung của thị trường, tuy nhiên đến năm 2024 đã phục hồi mạnh mẽ nhờ nhu cầu vận chuyển quốc tế gia tăng và doanh nghiệp tận dụng tốt cơ hội thị trường.

– Về nội địa:

Dịch vụ nội địa chiếm tỷ trọng tương đối ổn định, dao động từ 23% đến 25% qua các năm. Cụ thể, năm 2022 đạt 24%, năm 2023 tăng nhẹ lên 25% và giảm còn 23,33% vào năm 2024. Điều này phản ánh vai trò hỗ trợ của vận chuyển nội địa trong chuỗi logistics, đặc biệt là khâu giao nhận hàng hóa sau khi nhập khẩu.

– Về dịch vụ khác:

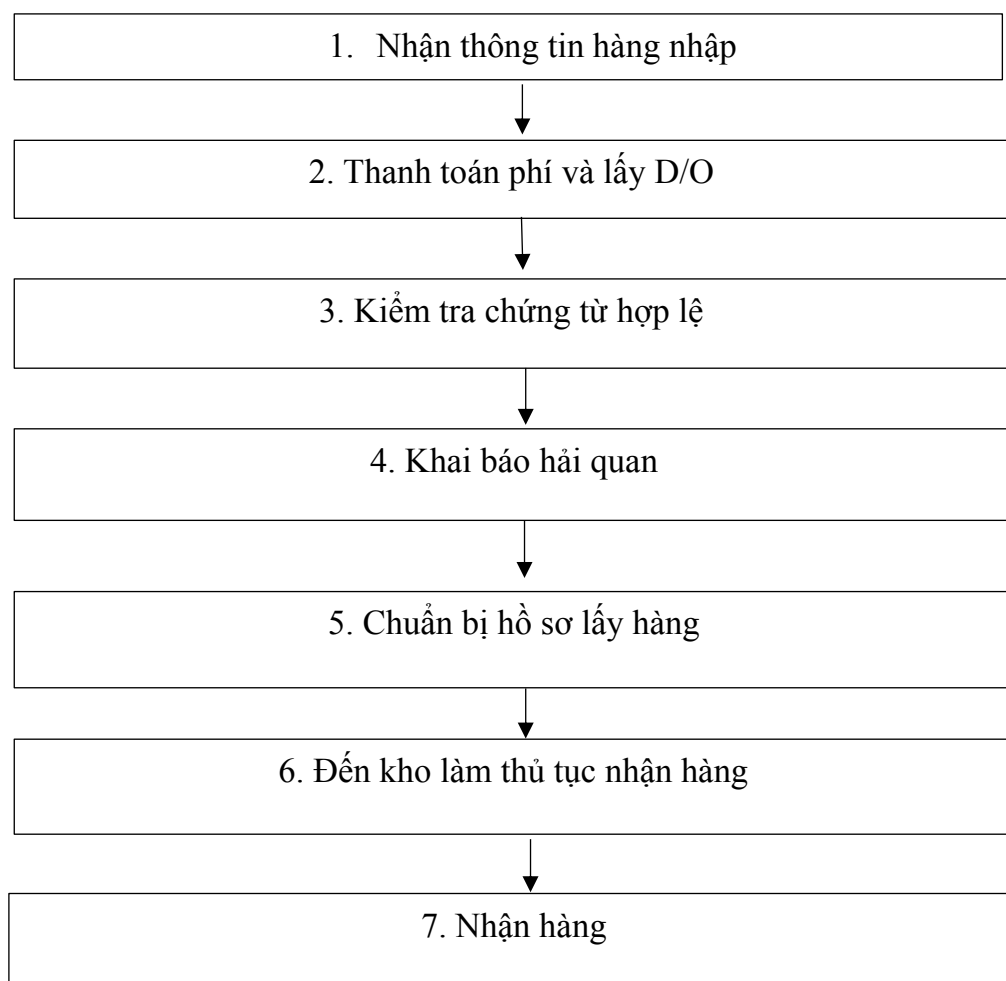
Các khoản thu từ dịch vụ khác (chứng từ, lưu kho, handling...) chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng có xu hướng tăng dần, từ 12% năm 2022 lên 15% năm 2023 và đạt 14,45% năm 2024. Điều này cho thấy công ty đang từng bước đa dạng hóa nguồn thu và khai thác tốt các dịch vụ giá trị gia tăng.



Biểu đồ 2.2: Cơ cấu doanh thu của hoạt động nhập khẩu tại công ty lần lượt qua từng năm từ 2022 – 2024

2.2. Quy trình hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại công ty

F.D.I



Hình 2.2: Quy trình nhập khẩu của công ty

Bảng 2.5: Quy trình chi tiết hoạt động nhập khẩu của công ty

Bước công việc	Quy trình	Người phụ trách	Chứng từ đi kèm
Bước 1: Nhận thông tin hàng nhập	Công ty tiếp nhận giấy báo hàng đến từ hãng hàng không hoặc Forwarder	Bộ phận chứng từ, bộ phận nhập khẩu	Giấy báo hàng đến
Bước 2: Thanh toán phí và lấy D/O	Công ty thực hiện thanh toán các khoản phí liên quan và nhận lệnh giao hàng để có cơ sở thực hiện thủ tục nhận hàng tại kho sân bay.	Nhân viên hiện trường và bộ phận kế toán	Giấy báo phí, lệnh giao hàng,
Bước 3: Kiểm tra chứng từ hợp lệ	Tiến hành đối chiếu và kiểm tra tính chính xác của các chứng từ liên quan nhằm đảm bảo thông tin hàng hóa đồng nhất trước khi khai báo hải quan.	Bộ phận chứng từ	HAWB, Commercial Invoice, Packing List
Bước 4: Khai báo hải quan	Công ty thực hiện khai báo hải quan điện tử, truyền tờ khai trên hệ thống và theo dõi kết quả phân luồng để tiến hành thông quan hàng hóa.	Bộ phận chứng từ	Tờ khai hải quan, Invoice, Packing List
Bước 5: Chuẩn bị hồ sơ lấy hàng	Tiến hành in mã vạch và chuẩn bị đầy đủ bộ hồ sơ để thực hiện thủ tục nhận hàng tại kho hàng không.	Bộ phận chứng từ, nhân viên hiện trường	Mã vạch tờ khai,, D/O, tờ khai thông quan
Bước 6: Đến kho làm thủ tục nhận hàng	Nhân viên đến kho sân bay xuất trình hồ sơ, đối chiếu thông tin hàng hóa và hoàn tất các thủ tục cần thiết để được phép nhận hàng	Nhân viên hiện trường	D/O, mã vạch tờ khai, AWB
Bước 7: Nhận hàng	Công ty kiểm tra thực tế hàng hóa, xác nhận giao nhận và vận chuyển hàng về kho của khách hàng hoặc kho công ty để hoàn tất quy trình nhập khẩu	Nhân viên hiện trường	Phiếu giao nhận hàng hóa, phiếu xuất kho

(Nguồn: nội bộ Công ty F.D.I)

Bước 1: Nhận thông tin hàng nhập

Khi lô hàng sắp về đến sân bay, bộ phận chứng từ của công ty sẽ tiếp nhận giấy báo hàng đến từ hãng hàng không hoặc đại lý giao nhận nước ngoài gửi qua email. Sau khi nhận được thông tin, nhân viên phụ trách sẽ kiểm tra các nội dung liên quan như số vận đơn MAWB/HAWB, tên người gửi, người nhận, số lượng kiện hàng, trọng lượng, chuyến bay và thời gian dự kiến hàng đến sân bay.

Sau đó, nhân viên tiến hành đối chiếu thông tin trên giấy báo hàng với dữ liệu khách hàng đã cung cấp trước đó để đảm bảo tính chính xác. Trường hợp phát hiện sai sót hoặc thiếu thông tin, công ty sẽ nhanh chóng liên hệ với đại lý hoặc khách hàng để điều chỉnh kịp thời nhằm tránh ảnh hưởng đến quá trình nhận hàng và khai báo hải quan sau này.

Công ty cũng chủ động theo dõi thời gian hàng đến để sắp xếp nhân sự, chuẩn bị chứng từ và dự trù các khoản chi phí liên quan như phí lưu kho, phí lao vụ hay phí xử lý hàng hóa tại sân bay. Đây là bước khá quan trọng vì nếu xử lý chậm có thể làm phát sinh thêm nhiều chi phí không cần thiết.

STAPLE DOCUMENTS ABOVE PERFORATION

675- 31693163 HAWB: A260502

Shipper's Name and Address GUANGZHOU KORETEX FIBER TEXTILES CO. LTD. RM.310 3F, BLOCK 1, 122 DONG HUAN LU, ZHUJUN, TIANHE, GUANGZHOU, GUANGDONG, CHINA ATTN: THOMAS CHOI TEL: 1 3437845842		Shipper's Account Number Net Weight Air Waybill Issued by	
Consignee's Name and Address AMP VIETNAM - PHONG DIEN GARMENT COMPANY LIMITED LOT CA-01, PHONG DIEN-VIGLACERA INDUSTRIAL ZONE, PHONG HIEN WARD, PHONG DIEN TOWN, JAU CITY, VIETNAM ATTN: LE HUU HOANG / CELINE THU TEL: 0944678901 / 033 755 8561 E-MAIL: HOANGLE-VNA@AMFORTUNE.COM / CELINE- VNA@AMFORTUNE.COM		Consignee's Account Number Received in good order and condition at (place) _____ on (date) _____ Signature of Consignee or its Agent Accounting Information Also Notify FREIGHT PREPAID	
Agent's IATA Code Account No. Airport of Departure (Addr. of first Carrier) and requested Routing SHANGHAI To By First Carrier Trading and Operator MFM NX DAD NX CNY PP PP Declared Value for Carriage Declared Value for Customs Amount of Insurance DA NANG NX117 10/May/26		Reference Number Optional Shipping Information Insurance - If Carrier offers insurance, and such insurance is requested in accordance with the conditions thereof, indicate amount to be insured in figures in box marked Amount of Insurance.	
HANDLING INFORMATION NOTIFY PARTY: 1/ AMP VIETNAM - PHONG DIEN GARMENT COMPANY LIMITED 2/ AMF FORTUNE INDUSTRIAL LIMITED CONTACT: CATHERINE (TEL: 852-2217 5121 FAX: 852-2745 2738)			
No. of Pieces or Packages 4	Gross Weight 121.0 KQ	Chargeable Weight 121.0	Rate AS ARRANGED
Nature and Country of Goods (incl. Dimensions or Volume) POLYESTER KNIT FABRIC DIM: 162*32*32*1 162*28*28*2 162*25*25*1 VOL: 0.521CBM		Freight Weight Charge Collect Other Charges Valuation Charge Tax AS ARRANGED - other Charges Due Agent Total other Charges Due Carrier AS ARRANGED - Total collected Customer Conversion Rates or charges in local currency AS ARRANGED Changes at Destination For Carriers Use only at Destination	
Signature of Shipper or its Agent 08/May/26 Signature of Issuing Carrier or its Agent HAWB: A260502			

COPY 4 (DELIVERY RECEIPT)

(Nguồn: nội bộ công ty F.D.I)

Hình 2.3: Vận đơn hàng không HAWB

Bước 2: Thanh toán chi phí và nhận lệnh giao hàng

Sau khi lô hàng được vận chuyển đến sân bay đích, hãng hàng không hoặc đại lý giao nhận sẽ gửi thông báo hàng đến cho công ty. Căn cứ vào thông báo này, nhân viên chứng từ tiến hành kiểm tra các thông tin liên quan như số vận đơn (HAWB, MAWB), tên người nhận hàng, số lượng kiện, trọng lượng và thời gian hàng đến để chuẩn bị cho quá trình nhận hàng.

Sau khi xác nhận thông tin lô hàng, công ty tiến hành thanh toán các khoản phí liên quan cho hãng hàng không hoặc đơn vị giao nhận để lấy lệnh giao hàng (D/O). Tùy từng lô hàng mà các khoản phí có thể bao gồm phí D/O, phí handling, phí lưu kho, phí soi chiếu hoặc các phụ phí khác theo quy định của kho hàng sân bay.

Thông thường, bộ phận hiện trường của công ty sẽ trực tiếp đến văn phòng hãng hàng không hoặc đại lý để thực hiện thủ tục thanh toán và nhận lệnh giao hàng. Trong quá trình này, nhân viên cần chuẩn bị đầy đủ giấy giới thiệu, căn cước công dân và các chứng từ liên quan để việc nhận lệnh được diễn ra thuận lợi.

Đối với một số trường hợp đặc biệt như hàng gom hoặc hàng nhận qua đại lý, nhân viên cần kiểm tra kỹ tên đơn vị đứng trên HAWB và MAWB để tránh nhầm lẫn khi nhận hàng. Sau khi nhận được D/O, công ty mới đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện các thủ tục nhận hàng tại kho sân bay.



VICO LOGISTICS (VIETNAM) CO., LTD.

FLOOR 7, DUONG VIET BUILDING,
30 NGUYEN HUU THO STREET,
HOA THUAN TAY WARD, HAI CHAU DISTRICT,
DA NANG CITY, VIETNAM
Tel : 84-236 3566188
Fax : 84-236 3566189

ARRIVAL NOTICE

Consignee :

AMP VIETNAM - PHONG DIEN GARMENT COMPANY LIMITED
LOT CN-01, PHONG DIEN - VIGLACERA INDUSTRIAL
ZONE, PHONG HIEN COMMUNE, PHONG DIEN WARD,
THUA THIEN HUE PROVINCE, VIET NAM
TAX CODE : 3301718142
ATTN: MS LEE BO YAN PAUL
TEL: 84 814202584

D/O No. : DAD26000043
Date : 2026/05/13
Job No. : VDGAI2605004
B/L No. : A260502
OBL No. : 675-31693163

Warehouse : VIAGS : 34ABA01

Vessel / Voyage : NX117 V. NX117 ETA DATE : 2026/05/11
Port of loading : SHANGHAI Port of discharge : DANANG

MARKS & NOS	PKGS	TYPE	GOODS DESCRIPTION	WEIGHT (KGS)	MEASMT (CBM)
	20'		/AIR		
	4		SAID TO CONTAIN : -		
	PACKAGE(S)		POLYESTER KNIT FABRIC	121.000	0.521

Total : FOUR(4) PACKAGE(S) ONLY

VAT

ARRIVAL NOTICE





All transactions are subject to our company's standard trading terms and conditions, copy available on request.

Hình 2.4: Giấy báo hàng đến

(Nguồn: nội bộ Công ty F.D.I)

Bước 3: Kiểm tra bộ chứng từ

Sau khi nhận lệnh giao hàng, bộ phận chứng từ sẽ tiến hành rà soát toàn bộ hồ sơ của lô hàng trước khi khai báo hải quan. Đây là công việc đòi hỏi sự cẩn thận và chính xác vì chỉ cần sai lệch nhỏ giữa các chứng từ cũng có thể làm chậm quá trình thông quan.

Nhân viên sẽ kiểm tra và đối chiếu các thông tin giữa HAWB, MAWB, Commercial Invoice, Packing List và các chứng từ khác như giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) nếu có. Những nội dung được kiểm tra chủ yếu gồm tên hàng, số lượng, trọng lượng, đơn giá, điều kiện giao hàng và thông tin người gửi – người nhận.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện sai sót về thông tin hoặc chứng từ chưa hợp lệ, công ty sẽ liên hệ ngay với khách hàng hoặc đại lý nước ngoài để chỉnh sửa kịp thời. Việc kiểm tra kỹ bộ chứng từ giúp hạn chế rủi ro trong quá trình khai báo hải quan và tránh phát sinh các chi phí không cần thiết.

5/14/26, 7:27 AM

Chi cục Hải quan khu vực IX
Hải quan Thủy An

Ngày 14 tháng 05 năm 2026

**DANH SÁCH HÀNG HÓA
ĐƯA ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN
Tờ khai không phải niêm phong**

1. Chi cục hải quan giám sát: Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Đà Nẵng - 34ABA01: XN TM MAT DAT - 1
2. Đơn vị XNK: CÔNG TY TNHH MAY MẶC AMP VIỆT NAM - PHONG ĐIỀN
3. Mã số thuế: 3301718142
4. Số tờ khai: 108237224320
5. Trạng thái tờ khai: Thông quan
9. Số quản lý hàng hóa: A260502

6. Ngày tờ khai: 13/05/2026 - 11/05/2026
7. Loại hình: Nhập nguyên liệu, vật tư để gia công cho thương nhân nước ngoài
8. Luồng: Xanh

STT	SỐ LƯỢNG HÀNG (1)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG (2)	LƯỢNG HÀNG HÓA THỰC TẾ QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN (3)	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN (4)
1	4.0 PACKAGE	121.0 Kilogram		

Kết xuất dữ liệu lúc: 14/05/2026 07:29 AM

Ghi chú:
- Cột số (1) lấy từ tiêu chí "Số lượng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Cột số (2) lấy từ tiêu chí "Tổng trọng lượng hàng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVGs nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVGs, công chức hải quan thực hiện:
+ Cột số (3): ghi rõ lượng hàng từng lần qua KVGs.
+ Cột số (4): ghi ngày, tháng, năm; ký, đóng dấu công chức.
- Trường hợp giá trị tại cột (1):
+ khác 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (1);
+ bằng 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (2).

4th / 12/18

14-05-2026

675 3169 3163

Lưu băng kê

Hình 2.5: Danh sách hàng hoá qua khu vực giám sát hải quan có xác nhận

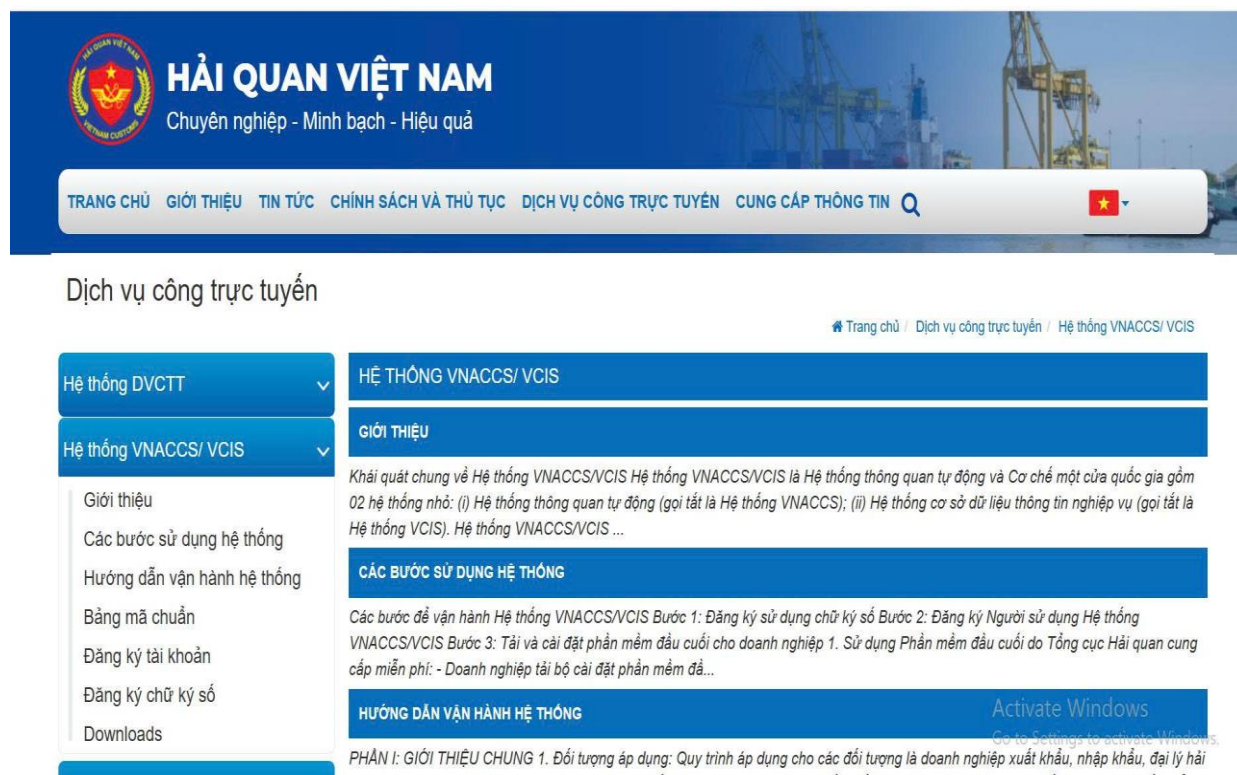
(Nguồn: nội bộ Công ty F.D.I)

Bước 4: Khai báo hải quan

Khi bộ chứng từ đã được kiểm tra đầy đủ và hợp lệ, nhân viên khai báo hải quan của công ty sẽ tiến hành truyền tờ khai điện tử trên hệ thống VNACCS/VCIS. Tại bước này, các thông tin liên quan đến lô hàng như mã HS, trị giá hàng hóa, thuế suất, số lượng và nước xuất xứ sẽ được nhập lên hệ thống hải quan.

Sau khi truyền tờ khai thành công, hệ thống sẽ tự động phân luồng hàng hóa gồm luồng xanh, luồng vàng hoặc luồng đỏ. Đối với lô hàng được phân luồng xanh, doanh nghiệp chỉ cần hoàn tất nghĩa vụ thuế là có thể thông quan ngay mà không cần kiểm tra thực tế hàng hóa. Nếu lô hàng rơi vào luồng vàng hoặc đỏ thì công ty phải bổ sung hồ sơ hoặc phối hợp kiểm hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

Trong quá trình khai báo, nhân viên cần theo dõi sát tình trạng tờ khai để kịp thời xử lý nếu phát sinh lỗi hệ thống hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ. Đây là bước có ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian nhận hàng nên công ty luôn ưu tiên xử lý nhanh chóng và chính xác.



Hình 2.6: Cổng thông tin điện tử cục hải quan

Bước 5: Chuẩn bị hồ sơ nhận hàng

Sau khi lô hàng được thông quan, công ty bắt đầu chuẩn bị hồ sơ để xuống kho nhận hàng. Nhân viên phụ trách sẽ in mã vạch tờ khai hải quan và sắp xếp các chứng từ theo đúng trình tự để thuận tiện cho việc kiểm tra tại kho hàng sân bay.

Bộ hồ sơ nhận hàng thường bao gồm lệnh giao hàng (D/O), mã vạch tờ khai đã thông quan, giấy giới thiệu, căn cước công dân của người đi nhận hàng cùng các chứng từ liên quan khác. Tất cả chứng từ đều được kiểm tra lại nhằm đảm bảo không xảy ra thiếu sót trong quá trình làm thủ tục.

Việc chuẩn bị hồ sơ đầy đủ ngay từ đầu giúp tiết kiệm thời gian xử lý tại kho, hạn chế việc phải bổ sung chứng từ nhiều lần và tránh phát sinh thêm chi phí lưu kho cho doanh nghiệp cũng như khách hàng.

CÔNG TY TNHH MAY MẶC AMP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM - PHONG ĐIỀN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số:/ GGT-AMP Huế, ngày 14 tháng 01 năm 2026

GIẤY GIỚI THIỆU

Kính gửi:
Giới thiệu:
CCCD:
Được cử đến:
Về việc:
Mong: Quý cơ quan giúp đỡ hoàn thành nhiệm vụ.

Giấy giới thiệu
Có giá trị hết ngày 31/12/2026.

CÔNG TY TNHH MAY MẶC AMP
VIỆT NAM - PHONG ĐIỀN
TRƯỞNG PHÒNG KINH DOANH
Thái Thụy Khánh Uyên

Hình 2.7: Giấy giới thiệu nhận hàng

(Nguồn: nội bộ Công ty F.D.I)

Bước 6: Làm thủ tục tại kho

Sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, nhân viên hiện trường của công ty sẽ trực tiếp đến kho hàng sân bay để thực hiện thủ tục nhận hàng. Tại đây, nhân viên xuất trình bộ hồ sơ cho nhân viên kho kiểm tra và xác nhận tình trạng thông quan của lô hàng.

Sau khi hồ sơ hợp lệ, kho hàng sẽ tiến hành đối chiếu thông tin trên chứng từ với thực tế hàng hóa như số kiện, trọng lượng và tình trạng bên ngoài của hàng hóa trước khi bàn giao. Trong quá trình này, nhân viên công ty cũng phối hợp kiểm tra nhằm hạn chế các trường hợp thất lạc hoặc hư hỏng hàng hóa.

Đối với một số lô hàng đặc biệt hoặc hàng có yêu cầu kiểm tra chuyên ngành, thời gian xử lý tại kho có thể kéo dài hơn thông thường. Vì vậy nhân viên hiện trường cần thường xuyên theo dõi và phối hợp với các bên liên quan để quá trình nhận hàng

diễn ra thuận lợi.

PHIẾU XUẤT KHO Số: 016102

Người nhận: HUYNH KIM QUANG
CMND: LO CN-01, KHU CÔNG NGHIỆP PHONG ĐIỀN
Địa chỉ: VIGLACERA, PHƯỜNG PHONG THÁI, THÀNH PHỐ
HUẾ, VIỆT NAM

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MAY MẶC AMP VIỆT NAM - PHONG ĐIỀN

HAWB:

Stt	Số vận đơn	Số kiện	Khối lượng	Tên hàng	Mã hàng	Chi chú
1	67531693163	4	121	CONSOL	GCR	QT1 - NX978 - 11/05/2026

Lưu kho từ ngày 3->5
Phi xử lý quốc tế-Hàng nhập thông thường

Tổng cộng 4 121

Ngày: 14/05/2026

Người nhận hàng: *[Signature]*
Hải quan: *[Signature]*
Thủ kho: *[Signature]*
Người lập phiếu: *[Signature]*

Hình 2.8: Phiếu xuất kho

(Nguồn: nội bộ Công ty F.D.I)

Bước 7: Nhận hàng

Sau khi hoàn tất các thủ tục tại kho, công ty tiến hành nhận hàng và ký xác nhận biên bản giao nhận với kho hàng sân bay. Nhân viên sẽ kiểm tra lại số lượng kiện hàng, tình trạng bao bì và đối chiếu với thông tin trên chứng từ nhằm đảm bảo hàng hóa được giao đúng và đầy đủ.

Nếu phát hiện hàng hóa bị thiếu hụt, hư hỏng hoặc có dấu hiệu bất thường, công ty sẽ lập biên bản hiện trường và thông báo ngay cho các bên liên quan để xử lý. Trường hợp hàng hóa đúng theo chứng từ, công ty sẽ sắp xếp phương tiện vận chuyển hàng về kho của khách hàng hoặc kho công ty theo yêu cầu.

Sau khi hoàn tất việc giao nhận, các chứng từ liên quan sẽ được lưu trữ để phục vụ cho việc đối chiếu, quyết toán và chăm sóc khách hàng về sau.



Hình 2.9: Hàng hoá được lấy ra khỏi sân bay

(Nguồn: nội bộ Công ty F.D.I)

2.3. Đánh giá thực trạng hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại công ty F.D.I Đà Nẵng

2.3.1. Ưu điểm

Gần 20 năm hoạt động trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, quy trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không tại công ty FDI thường xuyên thực hiện nên được tổ chức ngày càng chuyên nghiệp. Có thể nhận thấy quy trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không tại công ty được xây dựng tương đối rõ ràng và có tính hệ thống. Các bước được sắp xếp theo trình tự hợp lý, từ khâu tiếp nhận thông tin đến khi giao hàng cho khách, giúp cho nhân viên dễ dàng nắm bắt và thực hiện.

Quy trình nhập khẩu được hoàn thiện, tương thích hơn cùng các cải cách về mặt hành chính và thủ tục hải quan, tiếp nhận và cập nhật theo chính sách đổi mới mà nhà nước đã đề ra.

Hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không tại FDI được thực hiện chặt chẽ và phân chia rõ ràng nhiệm vụ, trách nhiệm của từng bộ phận nên các nhân viên đều tập trung vào chuyên môn cùng công việc mà mình được giao. Bên cạnh đó, các nhân viên thân thiện và đều có quan hệ tốt với nhau và kết hợp chặt chẽ giữa mọi người từ bộ phận chứng từ, hiện trường, kế toán đến bộ phận kinh doanh.

Những ưu điểm trên đã góp phần tạo nên sự thành công cơ bản trong quy trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không tại công ty, song chính những ưu điểm đó cũng mang lại hiệu quả nhất định. Mặc dù đây là quy trình khá phổ biến nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một vài thiếu sót, những yếu tố gây cản trở việc thực hiện hoạt động nhập khẩu hàng hóa tại công ty. Tiếp theo sẽ là những hạn chế cơ bản nhất mà công ty vẫn còn đang gặp phải.

2.3.2. Hạn chế

2.3.2.1. Tiếp cận thị trường và khách hàng

Với xu thế ngày càng có nhiều công ty trong lĩnh vực Logistics ra đời và phát triển mạnh mẽ như ngày nay thì sự cạnh tranh gay gắt giữa các đối thủ trong ngành là điều không thể tránh khỏi. Hơn nữa, trang web, hình ảnh, thông tin công ty vẫn chưa được nhiều người biết đến. Bằng chứng là công ty chưa có các chính sách xúc tiến quảng bá thương hiệu rõ ràng, website công ty cũng chưa được cập nhật thường xuyên để làm mới hình ảnh cho công ty nên công ty đa phần là làm việc với lượng khách hàng ổn định, khách hàng từ các mối quan hệ sẵn có và khách hàng lâu năm, vì vậy vẫn chưa thu hút được khách hàng mới.

2.3.2.2. Vấn đề về thanh toán

Trong quá trình thực hiện các lô hàng nhập khẩu bằng đường hàng không, công ty thường phải ứng trước nhiều khoản chi phí như phí handling, phí kho hàng không, phí D/O, phí hải quan và các khoản phụ phí khác. Đối với những lô hàng có giá trị cao hoặc số lượng lớn, tổng chi phí phát sinh là tương đối đáng kể.

Tuy nhiên, trên thực tế, một số hãng bay hoặc đại lý chưa cung cấp đầy đủ thông tin chi phí ngay từ đầu, dẫn đến việc dự trù ngân sách gặp khó khăn. Điều này khiến nhân viên hiện trường đôi khi lúng túng trong việc chuẩn bị chi phí thanh toán, ảnh hưởng đến tiến độ nhận hàng.

Bên cạnh đó, tình trạng khách hàng thanh toán chậm sau khi hoàn tất giao nhận vẫn còn xảy ra. Điều này làm gia tăng khoản phải thu và ảnh hưởng đến dòng tiền của công ty, đặc biệt trong bối cảnh phải liên tục xoay vòng vốn để thực hiện các lô hàng tiếp theo. Nếu không được kiểm soát tốt, vấn đề này có thể tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động chung của doanh nghiệp.

Tóm lại, vấn đề chi phí là vô cùng quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng, mức độ cung cấp dịch vụ của công ty đối với khách hàng, từ đó tác động đến hiệu quả dịch vụ mà công ty mang lại.

2.3.2.3. Xử lý chứng từ

Công tác xử lý chứng từ trong nhập khẩu hàng không đòi hỏi tính chính xác cao và thời gian xử lý nhanh. Tuy nhiên, tại công ty, mỗi nhân viên chứng từ thường phải phụ trách nhiều lô hàng cùng lúc, với các loại hàng hóa và khách hàng khác nhau. Điều này dễ dẫn đến nhầm lẫn trong quá trình kiểm tra và xử lý hồ sơ.

Ngoài ra, việc đối chiếu thông tin giữa các chứng từ như AWB, Invoice, Packing List đôi khi phát sinh sai sót. Khi xảy ra lỗi, nhân viên phải liên hệ với đại lý hoặc hãng bay để điều chỉnh, quá trình này có thể mất thời gian, đặc biệt nếu chênh lệch múi giờ hoặc phản hồi chậm từ đối tác nước ngoài.

Bên cạnh đó, nếu nhân viên không nắm rõ lịch làm việc của hải quan, kho hàng không hoặc các bên liên quan, việc xử lý chứng từ và nhận hàng có thể bị gián đoạn. Điều này không chỉ kéo dài thời gian thông quan mà còn ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ và mức độ hài lòng của khách hàng.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong quy trình này

2.3.3.1. Nguyên nhân về tiếp cận thị trường và khách hàng

Nguyên nhân chính khiến công ty chưa thu hút được nhiều khách hàng mới là do

hoạt động marketing vẫn chưa được đầu tư bài bản. Hiện nay, công ty chủ yếu khai thác nguồn khách hàng quen thuộc và khách hàng từ các mối quan hệ sẵn có nên phạm vi tiếp cận thị trường còn hạn chế.

Bên cạnh đó, website và các kênh truyền thông của công ty chưa được cập nhật thường xuyên, nội dung giới thiệu dịch vụ còn đơn giản, chưa thể hiện rõ năng lực cạnh tranh cũng như các thế mạnh của công ty trong lĩnh vực Air Cargo. Điều này làm cho khách hàng mới khó tiếp cận và tìm hiểu thông tin doanh nghiệp.

Ngoài ra, bộ phận kinh doanh tại chi nhánh Đà Nẵng còn ít nhân sự nên việc tìm kiếm khách hàng mới chưa được thực hiện thường xuyên. Nhân viên kinh doanh đôi khi phải kiêm nhiệm thêm các công việc hỗ trợ chứng từ hoặc chăm sóc khách hàng nên chưa tập trung hoàn toàn vào hoạt động phát triển thị trường.

2.3.3.2. Nguyên nhân về vấn đề thanh toán và chi phí

Nguyên nhân lớn nhất dẫn đến khó khăn về chi phí là do công ty phải ứng trước hầu hết các khoản phí cho lô hàng như phí D/O, phí handling, phí kho hàng không và phí hải quan trước khi thu lại từ khách hàng. Điều này khiến công ty thường xuyên bị áp lực về dòng tiền, đặc biệt khi xử lý nhiều lô hàng cùng lúc.

Ngoài ra, một số hãng bay hoặc đại lý nước ngoài chưa gửi đầy đủ bảng phí ngay từ đầu, dẫn đến việc nhân viên khó dự trù chính xác tổng chi phí phát sinh. Có trường hợp phí được cập nhật sát thời gian nhận hàng nên công ty phải xử lý gấp để tránh chậm tiến độ.

Bên cạnh đó, nhiều khách hàng thanh toán chậm hơn thời gian thỏa thuận, đặc biệt với khách hàng doanh nghiệp thanh toán công nợ theo tháng. Điều này làm công ty bị chậm thu hồi vốn trong khi vẫn phải liên tục thanh toán cho hãng bay và kho hàng.

2.3.3.3. Nguyên nhân về xử lý chứng từ

Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ khối lượng công việc của bộ phận chứng từ khá lớn trong khi số lượng nhân sự còn hạn chế. Mỗi nhân viên thường xử lý nhiều lô hàng cùng lúc nên dễ xảy ra nhầm lẫn khi kiểm tra thông tin giữa HAWB, MAWB, Invoice và Packing List.

Ngoài ra, nhiều trường hợp chứng từ từ phía khách hàng hoặc đại lý gửi về chưa đầy đủ hoặc sai thông tin như sai tên hàng, sai số lượng kiện hoặc chênh lệch trọng lượng. Khi xảy ra sai sót, nhân viên phải liên hệ điều chỉnh lại chứng từ nên mất thêm thời gian xử lý.

Bên cạnh đó, do đối tác nước ngoài hoạt động khác múi giờ nên việc phản hồi chỉnh sửa chứng từ đôi khi bị chậm, ảnh hưởng đến thời gian truyền tờ khai hải quan và nhận hàng.

Một nguyên nhân khác là hệ thống VNACCS/VCIS hoặc hệ thống của hãng bay đôi khi bị lỗi hoặc quá tải vào giờ cao điểm, làm việc khai báo và xử lý dữ liệu bị gián đoạn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã tập trung phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng. Thông qua quá trình tìm hiểu thực tế tại doanh nghiệp, chương đã khái quát được quá trình hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian gần đây.

Bên cạnh đó, chương cũng đã trình bày tương đối đầy đủ quy trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không tại công ty, từ bước tiếp nhận thông tin lô hàng, nhận giấy báo hàng đến, kiểm tra chứng từ, khai báo hải quan điện tử, chuẩn bị hồ sơ nhập hàng cho đến quá trình làm thủ tục tại kho và nhận hàng thực tế. Qua việc phân tích từng bước trong quy trình, có thể thấy Công ty F.D.I Đà Nẵng đã xây dựng được quy trình làm việc tương đối rõ ràng, đảm bảo phù hợp với quy định của cơ quan hải quan và đặc điểm của hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định như việc xử lý chứng từ đôi lúc còn phụ thuộc nhiều vào thao tác thủ công, khả năng cập nhật thông tin giữa các bộ phận chưa thật sự đồng bộ, áp lực công việc vào các thời điểm cao điểm còn lớn và việc ứng dụng công nghệ vào quản lý lô hàng vẫn chưa được triển khai toàn diện. Ngoài ra, những biến động của thị trường logistics, chi phí vận tải hàng không và yêu cầu ngày càng cao từ khách hàng cũng tạo ra không ít khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

Nhìn chung, những nội dung được phân tích trong chương 2 đã phản ánh khá rõ thực trạng hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng. Đây sẽ là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình nhập khẩu, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng hiệu quả hoạt động của công ty trong chương tiếp theo.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG TẠI CÔNG TY F.D.I ĐÀ NẴNG

3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu rộng với thị trường quốc tế, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam đang có sự phát triển mạnh mẽ cả về quy mô lẫn giá trị giao dịch. Điều này kéo theo nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics và giao nhận hàng hóa quốc tế ngày càng tăng cao, đặc biệt là đối với hình thức vận tải hàng không. Với ưu điểm về tốc độ vận chuyển nhanh, thời gian giao hàng ngắn và tính an toàn cao, vận tải hàng không đang trở thành lựa chọn ưu tiên đối với các mặt hàng có giá trị lớn, hàng cần giao gấp hoặc hàng yêu cầu bảo quản đặc biệt.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng luôn nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Trong những năm gần đây, công ty đã từng bước hoàn thiện quy trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không, đồng thời chú trọng đầu tư vào nguồn nhân lực, công nghệ và mở rộng mạng lưới đối tác để nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Với những kết quả đạt được, hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế như thời gian xử lý chứng từ đôi lúc còn chậm, sự phối hợp giữa các bộ phận chưa thật sự đồng bộ, hệ thống quản lý thông tin chưa được tự động hóa hoàn toàn và khả năng tiếp cận khách hàng mới còn hạn chế. Chính vì vậy, việc xây dựng định hướng phát triển phù hợp và đề ra các mục tiêu cụ thể trong thời gian tới là điều cần thiết nhằm giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro và phát triển bền vững.

Để đạt được mục tiêu đó, công ty đã đề ra một số định hướng phát triển cụ thể như sau:

– Định hướng hoàn thiện quy trình dịch vụ:

Trong thời gian tới, công ty định hướng tiếp tục cải tiến và chuẩn hóa quy trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không theo hướng khoa học, đồng bộ và hạn chế tối đa các sai sót phát sinh trong quá trình thực hiện nghiệp vụ. Công ty nhận thấy rằng quy trình nhập khẩu càng rõ ràng và chuyên nghiệp thì thời gian xử lý hàng hóa càng được rút ngắn, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Và công ty sẽ tập trung xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận như bộ phận chứng từ, bộ phận hiện trường, bộ phận khai báo hải quan và bộ phận kế toán nhằm đảm bảo thông tin được truyền đạt nhanh chóng và chính xác. Việc phân công trách nhiệm cụ thể cho từng vị trí công việc cũng sẽ giúp hạn chế tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót công việc.

Công ty cũng định hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý lô hàng, theo dõi tiến độ xử lý chứng từ và lưu trữ dữ liệu điện tử. Điều này không chỉ giúp giảm bớt khối lượng công việc thủ công mà còn góp phần nâng cao tính chính xác và tiết kiệm thời gian xử lý.

– Định hướng nâng cao chất lượng dịch vụ:

Trong lĩnh vực logistics, chất lượng dịch vụ luôn là yếu tố quan trọng quyết định khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Nhận thức được điều đó, Công ty F.D.I Đà Nẵng luôn chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng thông qua việc cải thiện tác phong làm việc, nâng cao tính chuyên nghiệp và đảm bảo tiến độ nhập khẩu hàng hóa.

Công ty định hướng rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và thời gian nhận hàng tại sân bay nhằm giúp khách hàng tiết kiệm chi phí lưu kho, lưu bãi. Đồng thời, doanh nghiệp cũng chú trọng nâng cao khả năng xử lý các tình huống phát sinh như sai lệch chứng từ, chậm chuyển bay hoặc thay đổi lịch hàng đến.

Ngoài việc đảm bảo tốc độ xử lý hàng hóa, công ty còn hướng đến việc xây dựng hình ảnh doanh nghiệp uy tín thông qua thái độ phục vụ tận tình, hỗ trợ khách hàng nhanh chóng và cung cấp thông tin minh bạch trong suốt quá trình nhập khẩu.

– Định hướng phát triển đối tác:

Hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều bên liên quan như hãng hàng không, đại lý quốc tế, doanh nghiệp vận tải nội địa, cơ quan hải quan và kho hàng sân bay. Vì vậy, việc mở rộng và duy trì mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược là một trong những định hướng quan trọng của công ty.

Trong thời gian tới, công ty sẽ tiếp tục củng cố quan hệ với các hãng hàng không và đại lý giao nhận quốc tế nhằm nâng cao khả năng xử lý hàng hóa và chủ động hơn trong việc đặt chỗ vận chuyển. Đồng thời, công ty cũng hướng đến việc tìm kiếm thêm các đối tác mới để mở rộng mạng lưới dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Việc xây dựng mối quan hệ tốt với cơ quan hải quan và các đơn vị liên quan tại sân bay cũng góp phần giúp quá trình xử lý thủ tục diễn ra thuận lợi hơn, hạn chế các phát sinh không cần thiết trong quá trình nhận hàng.

– Định hướng nguồn nhân lực:

Nguồn nhân lực được xem là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp logistics. Chính vì vậy, Công ty F.D.I Đà Nẵng luôn chú trọng đầu tư phát triển đội ngũ nhân viên cả về trình độ chuyên môn lẫn kỹ năng làm việc thực tế.

Trong thời gian tới, công ty sẽ tăng cường tổ chức các khóa đào tạo nội bộ về nghiệp vụ xuất nhập khẩu, khai báo hải quan, xử lý chứng từ và vận tải hàng không nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho nhân viên. Đồng thời, công ty cũng khuyến khích nhân viên chủ động cập nhật các quy định pháp lý mới liên quan đến hoạt động logistics và ngoại thương.

Bên cạnh chuyên môn nghiệp vụ, công ty cũng chú trọng đào tạo kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và xử lý tình huống nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và khả năng phối hợp giữa các bộ phận.

3.1.1. Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh

3.1.1.1. Môi trường vĩ mô

Thứ nhất, Chính trị - Pháp luật

Trong những năm gần đây, Nhà nước Việt Nam đã và đang đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp logistics phát triển. Việc áp dụng hệ thống hải quan điện tử VNACCS/VCIS và cơ chế một cửa quốc gia đã giúp rút ngắn đáng kể thời gian khai báo và thông quan hàng hóa. Theo Quyết định số 1899/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về việc triển khai Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thủ tục hải quan góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu¹.

Đối với Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng, việc ứng dụng hệ thống khai báo hải quan điện tử mang lại nhiều thuận lợi trong quá trình xử lý lô hàng nhập khẩu bằng đường hàng không. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra yêu cầu công ty phải thường xuyên cập nhật các quy định mới liên quan đến thuế nhập khẩu, kiểm tra chuyên ngành và chính sách quản lý hàng hóa. Theo Luật Hải quan năm 2014

¹ Bộ Tài chính (2014), Quyết định số 1899/QĐ-BTC về triển khai Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS.

(được sửa đổi, bổ sung và hiện vẫn còn hiệu lực), người khai hải quan có trách nhiệm khai đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai báo².

Bên cạnh đó, các quy định về kiểm tra chất lượng, kiểm dịch và an toàn hàng không ngày càng được siết chặt nhằm đảm bảo an ninh và chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Đặc biệt, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và các quy định của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) yêu cầu doanh nghiệp phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không, nhất là đối với hàng nguy hiểm hoặc hàng hóa đặc thù³. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải có đội ngũ nhân viên am hiểu nghiệp vụ và thực hiện quy trình xử lý hồ sơ một cách chính xác.

Nếu doanh nghiệp không cập nhật kịp thời các quy định pháp luật hoặc thực hiện khai báo sai thông tin thì rất dễ phát sinh các vấn đề như chậm thông quan, bị xử phạt hành chính hoặc phát sinh thêm chi phí lưu kho. Vì vậy, việc thường xuyên theo dõi các thay đổi trong chính sách pháp luật và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên là yêu cầu cần thiết nhằm đảm bảo hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không diễn ra hiệu quả và đúng quy định.

Thứ hai, yếu tố Kinh tế

Tình hình kinh tế trong nước và quốc tế có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động logistics và nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không. Khi nền kinh tế tăng trưởng ổn định, nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu, linh kiện và hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh sẽ tăng theo, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp logistics⁴.

Tuy nhiên, chi phí vận tải hàng không thường cao hơn so với các phương thức vận chuyển khác nên các biến động về giá nhiên liệu, tỷ giá ngoại tệ và phụ phí hàng không sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí dịch vụ của công ty⁵.

Tỷ giá USD biến động cũng đã và đang gây ảnh hưởng đến các khoản thanh toán với hãng bay và đại lý quốc tế. Nếu doanh nghiệp không chủ động trong việc dự trù chi phí và quản lý công nợ thì rất dễ ảnh hưởng đến lợi nhuận⁶.

Mặc dù vậy, nhu cầu sử dụng dịch vụ vận tải hàng không hiện nay vẫn đang tăng

² Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), Luật Hải quan số 54/2014/QH13.

³ Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2025), Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15.

⁴ Bộ Công Thương Việt Nam, Báo cáo Logistics Việt Nam 2023, Nhà xuất bản Công Thương, 2023

⁵ International Air Transport Association (IATA), Air Cargo Market Analysis

⁶ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tin điều hành tỷ giá ngoại tệ

cao do xu hướng giao hàng nhanh và sự phát triển mạnh của thương mại điện tử. Đây được xem là cơ hội để công ty mở rộng thị trường và nâng cao doanh thu trong thời gian tới⁷.

Thứ ba, yếu tố Công nghệ

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin đang làm thay đổi đáng kể phương thức hoạt động của ngành logistics. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đã áp dụng các phần mềm quản lý lô hàng, quản lý vận đơn và theo dõi tiến độ xử lý hàng hóa theo thời gian thực⁸.

Đối với Công ty F.D.I Đà Nẵng, việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động quản lý sẽ giúp nâng cao hiệu quả xử lý công việc, hạn chế sai sót trong quá trình nhập liệu và tăng khả năng kiểm soát tiến độ lô hàng⁹.

Thực tế cho thấy một số công đoạn tại công ty vẫn còn xử lý thủ công hoặc phụ thuộc nhiều vào việc trao đổi thông tin qua email và điện thoại. Điều này dễ dẫn đến chậm trễ trong quá trình cập nhật dữ liệu và ảnh hưởng đến khả năng phối hợp giữa các bộ phận.

Do đó, trong thời gian tới công ty cần đầu tư mạnh hơn vào hệ thống quản lý logistics và số hóa chứng từ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động¹⁰.

3.1.1.2. Môi trường ngành

Ngành logistics và nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không hiện nay có mức độ cạnh tranh ngày càng cao với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các công ty logistics lớn liên tục đầu tư vào công nghệ, mở rộng mạng lưới đại lý và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thu hút khách hàng.

Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng chịu áp lực cạnh tranh không chỉ về giá dịch vụ mà còn về tốc độ xử lý hàng hóa, khả năng xử lý chứng từ và chất lượng chăm sóc khách hàng.

Bên cạnh đó, khách hàng hiện nay không chỉ quan tâm đến việc nhận hàng đúng thời gian mà còn yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp thông tin minh bạch về tình trạng lô hàng, thời gian thông quan và các chi phí phát sinh. Nếu công ty chưa xây dựng được

⁷ Lazada Việt Nam, Báo cáo Thương mại điện tử Đông Nam Á năm 2023

⁸ Bộ Công Thương Việt Nam, Báo cáo Logistics Việt Nam 2023, Nhà xuất bản Công Thương, 2023

⁹ Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

¹⁰ Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), Xu hướng chuyển đổi số trong ngành Logistics Việt Nam

hệ thống quản lý và cập nhật thông tin đồng bộ thì sẽ ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của khách hàng.

Tình trạng quá tải tại kho hàng không vào các thời điểm cao điểm cũng gây ảnh hưởng đến tiến độ nhận hàng và giao hàng. Điều này đòi hỏi công ty phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận chứng từ, hiện trường và vận tải nhằm hạn chế phát sinh chi phí lưu kho và chậm giao hàng.

Nguồn nhân lực trong ngành logistics, đặc biệt là nhân viên hiện trường và nhân viên khai báo hải quan có kinh nghiệm, hiện vẫn còn thiếu. Đây cũng là một trong những khó khăn đối với công ty trong việc nâng cao hiệu quả xử lý quy trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không.

3.1.2. Định hướng và mục tiêu phát triển của công ty trong thời gian tới

Trên cơ sở phân tích tình hình hoạt động thực tế cùng với xu hướng phát triển của ngành logistics và nhập khẩu quốc tế hiện nay, Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng đã xác định một số mục tiêu và định hướng phát triển quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không trong thời gian tới. Các mục tiêu này tập trung chủ yếu vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng thị trường khách hàng và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và xử lý nghiệp vụ.

Trước hết, về mục tiêu phát triển doanh thu, công ty định hướng tiếp tục duy trì và mở rộng hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không – lĩnh vực đang đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics của doanh nghiệp. Trong những năm tới, công ty đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu trung bình khoảng từ 10% – 15% mỗi năm đối với mảng Air Cargo nhập khẩu. Để đạt được mục tiêu này, công ty không chỉ tập trung gia tăng số lượng lô hàng mà còn chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, rút ngắn thời gian xử lý chứng từ, hạn chế sai sót trong quá trình khai báo hải quan và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận liên quan. Đồng thời, công ty cũng định hướng mở rộng thêm các dịch vụ hỗ trợ như khai thuê hải quan, vận chuyển nội địa và tư vấn thủ tục xuất nhập khẩu nhằm gia tăng giá trị dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Bên cạnh mục tiêu tăng trưởng doanh thu, mở rộng thị trường khách hàng cũng là một định hướng quan trọng của công ty trong giai đoạn tới. Hiện nay, khách hàng của công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất, gia công và thương mại tại khu vực miền

Trung, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực may mặc, linh kiện điện tử và nguyên phụ liệu sản xuất. Tuy nhiên, để nâng cao khả năng cạnh tranh và mở rộng quy mô hoạt động, công ty định hướng tiếp cận thêm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đang hoạt động tại các khu công nghiệp trên địa bàn Đà Nẵng, Quảng Nam và Huế. Đây là nhóm khách hàng có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không tương đối lớn và ổn định, đặc biệt đối với các mặt hàng cần thời gian giao nhận nhanh. Việc mở rộng mạng lưới khách hàng không chỉ giúp công ty tăng doanh thu mà còn góp phần nâng cao uy tín và vị thế của doanh nghiệp trong lĩnh vực nhập khẩu hàng không quốc tế.

Ngoài ra, trong bối cảnh ngành logistics đang chịu tác động mạnh mẽ từ xu hướng chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ, công ty cũng xác định việc đầu tư công nghệ thông tin là một trong những mục tiêu quan trọng trong thời gian tới. Cụ thể, công ty hướng đến việc hoàn thiện hệ thống quản lý và theo dõi lô hàng thông qua phần mềm quản lý logistics nhằm đồng bộ dữ liệu giữa các bộ phận như chứng từ, khai báo hải quan, hiện trường và kế toán. Bên cạnh đó, công ty cũng đặt mục tiêu từng bước số hóa chứng từ và nâng cao khả năng quản lý dữ liệu điện tử nhằm hạn chế việc xử lý thủ công như hiện nay. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ giúp công ty nâng cao hiệu quả xử lý công việc mà còn hỗ trợ theo dõi tiến độ lô hàng nhanh chóng, hạn chế sai sót và nâng cao khả năng cung cấp thông tin cho khách hàng theo thời gian thực.

Song song với việc đầu tư công nghệ, công ty cũng chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không. Trong thời gian tới, công ty định hướng tăng cường đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chứng từ, khai báo hải quan và hiện trường, đặc biệt là kỹ năng xử lý tình huống phát sinh trong quá trình thông quan hàng hóa. Đồng thời, công ty cũng hướng đến xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tăng khả năng phối hợp giữa các bộ phận nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc và chất lượng dịch vụ khách hàng.

Nhìn chung, các mục tiêu và định hướng phát triển trên thể hiện chiến lược của Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng trong việc từng bước hoàn thiện quy trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả hơn. Việc thực hiện tốt các mục tiêu này sẽ tạo nền tảng quan trọng giúp công ty nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và phát triển bền vững

trong thời gian tới.

3.2. Đánh giá xu hướng của thị trường nhập khẩu hàng hóa

Xu hướng thế giới

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu ngày càng phát triển và thương mại quốc tế ngày càng mở rộng, vận tải hàng không đang trở thành một trong những phương thức vận chuyển quan trọng trong chuỗi cung ứng quốc tế. Đặc biệt đối với các mặt hàng có giá trị cao, hàng dễ hư hỏng hoặc hàng yêu cầu thời gian nhập khẩu nhanh thì vận tải hàng không luôn được ưu tiên lựa chọn. Theo Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA), vận tải hàng không chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ về khối lượng nhưng lại chiếm hơn 35% giá trị thương mại toàn cầu¹¹.

Sau đại dịch Covid-19, hoạt động thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ đã kéo theo nhu cầu vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không tăng nhanh. Các doanh nghiệp ngày càng chú trọng đến tốc độ giao hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Theo báo cáo của IATA, nhu cầu vận tải hàng hóa hàng không toàn cầu trong những năm gần đây liên tục tăng trưởng nhờ sự phục hồi của chuỗi cung ứng và sự phát triển của thương mại điện tử xuyên biên giới¹².

Bên cạnh đó, công nghệ số đang được ứng dụng ngày càng nhiều trong lĩnh vực logistics như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và Internet vạn vật (IoT). Các công nghệ này giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng quản lý lô hàng, theo dõi tiến độ vận chuyển và tối ưu hóa hoạt động logistics. Theo báo cáo của Deloitte, việc ứng dụng công nghệ số trong logistics góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, giảm chi phí và tăng khả năng kết nối trong chuỗi cung ứng toàn cầu¹³.

Xu hướng phát triển Logistics xanh cũng đang được nhiều doanh nghiệp quan tâm nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Các doanh nghiệp logistics hiện nay đang từng bước chuyển đổi sang mô hình vận hành thân thiện với môi trường thông qua việc ứng dụng công nghệ và tối ưu hóa hoạt động vận tải.

Đặc biệt, dịch vụ Logistics tích hợp (3PL, 4PL) và vận tải đa phương thức đang trở thành xu hướng chủ đạo, trong đó vận tải hàng không giữ vai trò then chốt trong việc kết nối nhanh giữa các khu vực trên thế giới. Việc kết hợp linh hoạt giữa vận tải hàng

¹¹ International Air Transport Association (IATA), Air Cargo Market Analysis.

¹² International Air Transport Association (IATA), Air Cargo Demand Reports 2023–2024.

¹³ Deloitte Insights – Digital Transformation in Logistics

không với các phương thức vận tải khác giúp doanh nghiệp tối ưu thời gian giao hàng và nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng quốc tế.

Xu hướng tại Việt Nam:

Tại Việt Nam, ngành Logistics nói chung và vận tải hàng không nói riêng đang có tốc độ tăng trưởng khá cao nhờ sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động xuất nhập khẩu và thương mại điện tử. Nhu cầu vận chuyển hàng hóa nhanh chóng, đặc biệt là hàng giá trị cao và hàng cần giao gấp, ngày càng gia tăng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Logistics phát triển dịch vụ hàng không¹⁴.

Chính phủ đang đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực Logistics, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ vào quản lý và vận hành. Điều này giúp nâng cao hiệu quả xử lý chứng từ, khai báo hải quan điện tử và theo dõi lô hàng theo thời gian thực. Công ty FDI Đà Nẵng cũng đang từng bước áp dụng các hệ thống này nhằm cải thiện quy trình làm việc và nâng cao năng suất¹⁵.

Sự cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt khi số lượng doanh nghiệp Logistics tăng nhanh, buộc các công ty phải không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu chi phí. Đồng thời, xu hướng phát triển bền vững và “Logistics xanh” cũng đang dần trở thành tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá năng lực của doanh nghiệp. Với xu hướng phát triển bền vững thì khái niệm Logistics xanh cũng được quan tâm ở Việt Nam, cụ thể chủ đề của Diễn đàn Logistics Việt Nam năm 2022 là “Logistics xanh”¹⁶.

Khảo sát của Vietnam Report cho thấy gần 90% doanh nghiệp cho rằng việc triển khai chiến lược phát triển bền vững có thể nâng cao giá trị thương hiệu; 84,2% doanh nghiệp có thể xác định các rủi ro và cơ hội thông qua việc thực hiện chiến lược phát triển bền vững; và 52,6% cho rằng khách hàng ngày càng quan tâm đến các hoạt động phát triển bền vững của doanh nghiệp¹⁷.

3.3. Một số giải pháp hoàn thiện hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại công ty FDI Đà Nẵng

3.3.1. Giải pháp tiếp cận thị trường và khách hàng

- Nội dung giải pháp:

¹⁴ Bộ Công Thương Việt Nam, Báo cáo Logistics Việt Nam 2023, Nhà xuất bản Công Thương, 2023

¹⁵ Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

¹⁶ Bộ Công Thương, Diễn đàn Logistics Việt Nam 2022 với chủ đề “Logistics xanh”

¹⁷ Vietnam Report, Báo cáo ngành Logistics Việt Nam năm 2022

Trong điều kiện thị trường logistics ngày càng cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc tìm kiếm và mở rộng nguồn khách hàng là yếu tố có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của công ty. Vì vậy, Công ty F.D.I Đà Nẵng cần chủ động xây dựng chiến lược tiếp cận khách hàng phù hợp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và mở rộng thị phần.

Trước hết, công ty cần tăng cường hoạt động nghiên cứu thị trường để nắm bắt nhu cầu thực tế của khách hàng, đặc biệt là các doanh nghiệp có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không như doanh nghiệp sản xuất linh kiện điện tử, may mặc, dược phẩm hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, công ty cần thường xuyên cập nhật tình hình thị trường logistics, theo dõi sự biến động về giá cước hàng không và xu hướng sử dụng dịch vụ của khách hàng nhằm xây dựng chính sách giá phù hợp.

Ngoài việc tìm kiếm khách hàng mới, công ty cũng cần chú trọng duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện tại thông qua việc nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ khách hàng nhanh chóng khi phát sinh vấn đề.

Trong thời đại công nghệ số phát triển mạnh như hiện nay, việc quảng bá hình ảnh doanh nghiệp trên các nền tảng trực tuyến cũng là yếu tố quan trọng. Công ty cần đầu tư nâng cấp website theo hướng chuyên nghiệp hơn, thường xuyên cập nhật thông tin dịch vụ và hình ảnh hoạt động thực tế nhằm tạo sự tin tưởng cho khách hàng.

Công ty cũng nên đẩy mạnh hoạt động marketing thông qua mạng xã hội, email marketing và các kênh truyền thông trực tuyến nhằm tăng khả năng tiếp cận khách hàng tiềm năng.

Ngoài ra, công ty cũng cần chú trọng nâng cao kỹ năng cho đội ngũ nhân viên kinh doanh thông qua các khóa đào tạo về marketing, kỹ năng giao tiếp và ngoại ngữ nhằm nâng cao khả năng tư vấn và chăm sóc khách hàng.

- Hiệu quả của giải pháp:

Việc thực hiện tốt giải pháp tiếp cận thị trường và khách hàng sẽ giúp công ty mở rộng thị phần và nâng cao khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không.

Hình ảnh doanh nghiệp sẽ được cải thiện đáng kể thông qua việc đầu tư nâng cấp website và quảng bá thương hiệu trên các nền tảng trực tuyến.

Ngoài ra, chất lượng phục vụ khách hàng được nâng cao cũng góp phần giúp

công ty duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng hiện tại và thu hút thêm nhiều khách hàng mới.

3.3.2. Giải pháp trong khâu thanh toán

- Nội dung giải pháp:

Để đảm bảo hoạt động thanh toán diễn ra thuận lợi và hiệu quả, công ty cần xây dựng quy trình thanh toán rõ ràng và linh hoạt. Trước hết, cần có kế hoạch dự trữ nguồn tiền hợp lý để xử lý kịp thời các khoản chi phí phát sinh trong quá trình nhập khẩu.

Đối với nhân viên phụ trách thanh toán, công ty nên phân quyền cụ thể và tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện giao dịch như sử dụng tài khoản riêng cho công việc nhằm đảm bảo tính minh bạch và nhanh chóng.

Bên cạnh đó, cần thống nhất rõ ràng các điều khoản thanh toán với khách hàng ngay từ đầu, bao gồm hình thức và thời gian thanh toán, tránh phát sinh tranh chấp sau này. Việc áp dụng các hình thức thanh toán điện tử cũng cần được đẩy mạnh để tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Hiệu quả của giải pháp:

Giải pháp này giúp công ty chủ động hơn trong việc quản lý tài chính và hạn chế các rủi ro phát sinh liên quan đến thanh toán.

Đồng thời, việc áp dụng thanh toán điện tử cũng giúp tiết kiệm thời gian xử lý công việc và nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động kinh doanh.

3.3.3. Giải pháp xử lý chứng từ

- Nội dung giải pháp

Trong quá trình tuyển dụng, công ty cần kỹ lưỡng kiểm tra kiến thức chuyên môn, tuyển chọn những nhân viên có kỹ năng thực sự và nhiệt tình trong công việc. Công ty nên tùy vào thời điểm mà tổ chức các khóa học ngắn hạn hay dài hạn về nghiệp vụ xuất nhập khẩu và luật liên quan nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh trước mắt và lâu dài. Bên cạnh đó cần có chính sách đãi ngộ, thưởng phạt rõ ràng đối với những nhân viên có sáng kiến trong công việc. Công ty cần phải lên kế hoạch thực hiện bảng phân công công việc cụ thể, rõ ràng, phù hợp với chuyên môn cho từng nhân viên, tránh tình trạng công việc chồng chéo và đùn đẩy trách nhiệm của nhau.

Bên cạnh việc nắm và hiểu rõ chi tiết nội dung trong bộ chứng từ thì còn phải nắm rõ trình tự, thủ tục liên quan để giảm thiểu tối đa sự sai sót, làm gián đoạn quá trình giao nhận. Nhân viên bộ phận chứng từ và hiện trường nên thống nhất và trao đổi thông

tin hàng hóa một cách cụ thể tránh tình trạng nắm bắt thông tin không rõ ràng.

- Hiệu quả của giải pháp:

Công ty giải tỏa được khối lượng công việc mà mỗi nhân viên phải xử lý, nâng cao hiệu quả công việc trong công ty. Thời gian và chi phí sẽ được tối thiểu hóa nhờ sự phân chia công việc rõ ràng. Sau các khóa học thì nhân viên sẽ được trang bị kiến thức chuyên môn giúp tự tin hơn trong công việc cũng như thể hiện được sự chuyên nghiệp góp phần nâng cao uy tín và danh tiếng công ty.

Giúp giảm thiểu sai sót trong quá trình xử lý chứng từ và nâng cao hiệu quả khai báo hải quan. Đồng thời, thời gian xử lý lô hàng cũng được rút ngắn đáng kể, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí phát sinh cho khách hàng.

3.3.4. Giải pháp cho mô hình Logistics “xanh”

- Nội dung giải pháp:

Công ty chú trọng quan tâm đầu tư phát triển Logistics xanh, thậm chí nên xác định mục tiêu phát triển Logistics xanh trong chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó phải thường xuyên rà soát nội dung chiến lược đó cùng tình hình thực hiện để có thể điều chỉnh kịp thời và phù hợp đúng với thực tiễn.

Với xu hướng phát triển công nghệ, công ty cũng cần triển khai công nghệ và công nghệ thông tin tiên tiến như đầu tư vào sử dụng các phương tiện cũng như các nguồn năng lượng mới để bảo vệ môi trường nhằm thúc đẩy sự phát triển sạch và hiệu quả như công nghệ GPS quản lý thông tin và định vị trong vận tải.

- Hiệu quả của giải pháp:

Thực hiện đúng các chính sách và đảm bảo được mục tiêu về “xanh hóa” theo quy định, cam kết góp phần phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chẳng những vậy, việc thực hiện tốt hoạt động Logistics xanh còn giúp hình ảnh công ty ngày càng đẹp hơn trong mắt các đối tác doanh nghiệp cũng như khách hàng, nâng cao khả năng cạnh tranh trong thị trường.

Việc triển khai các ứng dụng công nghệ GPS giúp tăng cường phát triển trong quản lý kho bãi, giải quyết được các vấn đề kỹ thuật, thiết bị liên quan đến bảo quản nhiệt, lạnh, hơn nữa giúp tiết kiệm năng lượng cho hệ thống kho bãi.

3.4. Điều kiện và cách thức thực hiện giải pháp

3.4.1. Giải pháp tiếp cận thị trường và khách hàng

Điều kiện thực hiện

Để thực hiện hiệu quả giải pháp mở rộng thị trường và tiếp cận khách hàng trong hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không, trước hết Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng cần đảm bảo đầy đủ các điều kiện về nhân lực, tài chính, cơ sở dữ liệu khách hàng cũng như nền tảng công nghệ phục vụ cho hoạt động marketing và chăm sóc khách hàng.

Trước hết, về nguồn nhân lực, công ty cần xây dựng đội ngũ nhân viên kinh doanh có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực logistics và ngoại thương. Nhân viên kinh doanh không chỉ cần hiểu rõ về dịch vụ nhập khẩu hàng không mà còn phải nắm được quy trình, các loại chứng từ, thủ tục hải quan và đặc điểm của từng nhóm khách hàng khác nhau. Điều này giúp nhân viên dễ dàng tư vấn và đưa ra giải pháp phù hợp cho khách hàng khi phát sinh nhu cầu vận chuyển hàng hóa.

Bên cạnh kiến thức chuyên môn, kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng cũng là yếu tố rất quan trọng. Nhân viên cần có khả năng xử lý tình huống linh hoạt, biết cách trao đổi và duy trì mối quan hệ với khách hàng nhằm tạo sự tin tưởng lâu dài. Ngoài ra, do hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không thường liên quan đến đối tác nước ngoài nên khả năng sử dụng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh thương mại, cũng là điều kiện cần thiết.

Về điều kiện tài chính, công ty cần có nguồn kinh phí phù hợp để phục vụ cho các hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu và phát triển hình ảnh doanh nghiệp. Việc đầu tư xây dựng website chuyên nghiệp, chạy quảng cáo trực tuyến, thiết kế hình ảnh thương hiệu hay tham gia các hội chợ, triển lãm logistics đều cần có kế hoạch tài chính cụ thể. Nếu không có nguồn vốn ổn định thì việc triển khai các hoạt động quảng bá sẽ khó duy trì lâu dài và không mang lại hiệu quả cao.

Điều kiện về công nghệ thông tin cũng đóng vai trò rất quan trọng. Công ty cần có hệ thống website ổn định, dễ sử dụng và thường xuyên được cập nhật nội dung. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cần đầu tư phần mềm quản lý khách hàng (CRM) để hỗ trợ việc lưu trữ dữ liệu, theo dõi quá trình chăm sóc khách hàng và quản lý thông tin giao dịch một cách hiệu quả hơn.

Cách thức thực hiện

Công ty cần tiến hành nâng cấp website theo hướng chuyên nghiệp và thường xuyên cập nhật thông tin liên quan đến dịch vụ nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không. Đồng thời, công ty nên tăng cường quảng bá hình ảnh doanh nghiệp trên các nền

tăng mạng xã hội như Facebook, LinkedIn hoặc Email Marketing nhằm mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng tiềm năng.

Và công ty cần chủ động nghiên cứu nhu cầu thị trường, tìm hiểu nhóm khách hàng có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không như doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp FDI hoặc các công ty thương mại quốc tế để xây dựng chính sách tiếp cận phù hợp.

Công ty nên tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn về marketing, ngoại ngữ và kỹ năng chăm sóc khách hàng cho nhân viên kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng tư vấn và khả năng tìm kiếm khách hàng mới. Song song với đó là xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng hợp lý để duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài.

3.4.2. Giải pháp trong khâu thanh toán

Điều kiện thực hiện

Để giải pháp trong khâu thanh toán được triển khai hiệu quả, công ty cần đảm bảo nguồn vốn lưu động ổn định nhằm phục vụ cho việc thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không.

Trong thực tế, các lô hàng nhập khẩu thường phát sinh nhiều loại chi phí như phí D/O, phí handling, phí lưu kho sân bay, phí soi chiếu an ninh, phí hải quan và các khoản phụ phí khác. Vì vậy, nếu công ty không chủ động về nguồn vốn thì sẽ dễ xảy ra tình trạng chậm thanh toán, ảnh hưởng đến tiến độ nhận hàng và chất lượng phục vụ khách hàng.

Công ty cũng cần đầu tư hệ thống phần mềm quản lý tài chính và công nợ nhằm hỗ trợ việc theo dõi chi phí, lưu trữ dữ liệu thanh toán và đối chiếu công nợ nhanh chóng hơn. Điều này giúp hạn chế sai sót trong quá trình thanh toán và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

Cách thức thực hiện

Công ty nên xây dựng quy trình thanh toán rõ ràng giữa các bộ phận chứng từ, hiện trường và kế toán nhằm đảm bảo các khoản chi phí được cập nhật đầy đủ trước khi nhận hàng.

Đồng thời, công ty cần quy định cụ thể thời gian thanh toán đối với khách hàng ngay từ khi ký kết hợp đồng dịch vụ nhằm hạn chế tình trạng công nợ kéo dài. Đối với các khách hàng mới hoặc các lô hàng có giá trị lớn, công ty có thể áp dụng hình thức đặt cọc trước để giảm rủi ro tài chính.

Công ty nên đẩy mạnh sử dụng các hình thức thanh toán điện tử và lưu trữ dữ liệu thanh toán trên phần mềm quản lý nhằm đảm bảo tính minh bạch, hạn chế sai sót và tiết kiệm thời gian xử lý công việc.

3.4.3. Giải pháp xử lý chứng từ

Điều kiện thực hiện

Để nâng cao hiệu quả xử lý chứng từ trong hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không, công ty cần đảm bảo nhiều điều kiện liên quan đến nhân sự, công nghệ và quy trình làm việc.

Trước hết, công ty cần có đội ngũ nhân viên chứng từ có trình độ chuyên môn phù hợp và hiểu rõ quy trình nghiệp vụ xuất nhập khẩu. Nhân viên cần nắm vững các loại chứng từ sử dụng trong vận tải hàng không như HAWB, MAWB, Invoice, Packing List, Arrival Notice và tờ khai hải quan điện tử.

Bên cạnh đó, nhân viên chứng từ cũng cần thường xuyên cập nhật các quy định mới liên quan đến hải quan, thuế và chính sách quản lý hàng hóa nhập khẩu nhằm hạn chế sai sót trong quá trình khai báo.

Công ty cũng cần xây dựng quy trình kiểm tra chứng từ rõ ràng nhằm hạn chế sai sót và đảm bảo tính thống nhất giữa các bộ phận liên quan.

Cách thức thực hiện

Công ty cần xây dựng quy trình xử lý chứng từ theo từng bước cụ thể, từ khâu tiếp nhận chứng từ đến khi hoàn tất khai báo hải quan và lưu trữ hồ sơ.

Sau khi nhận được bộ chứng từ từ đại lý hoặc khách hàng, nhân viên chứng từ cần kiểm tra kỹ các thông tin như tên người gửi, người nhận, mô tả hàng hóa, số lượng, trọng lượng và mã HS nhằm đảm bảo tính chính xác trước khi khai báo.

Các chứng từ như HAWB, MAWB, Invoice và Packing List cần được đối chiếu với nhau để tránh sai lệch thông tin. Nếu phát hiện sai sót, nhân viên cần nhanh chóng liên hệ với đại lý hoặc khách hàng để điều chỉnh kịp thời.

Công ty cần tăng cường phối hợp giữa bộ phận chứng từ và bộ phận hiện trường nhằm đảm bảo thông tin lô hàng được cập nhật đầy đủ và chính xác trong suốt quá trình xử lý.

Công ty nên thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ khai báo hải quan và xử lý chứng từ cho nhân viên nhằm nâng cao khả năng xử lý tình huống phát sinh trong thực tế.

3.4.4. Giải pháp Logistics xanh

Điều kiện thực hiện

Để triển khai mô hình Logistics xanh, công ty cần có định hướng phát triển lâu dài và sự hỗ trợ từ ban lãnh đạo trong việc đầu tư công nghệ và nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ hoạt động logistics theo hướng tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

Công ty cần có nguồn tài chính phù hợp để đầu tư các hệ thống công nghệ như GPS quản lý phương tiện, phần mềm quản lý vận tải và hệ thống lưu trữ chứng từ điện tử nhằm giảm việc sử dụng giấy tờ thủ công.

Ngoài ra, ý thức của nhân viên về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng cũng là điều kiện quan trọng giúp công ty triển khai hiệu quả mô hình Logistics xanh.

Cách thức thực hiện

Công ty cần từng bước chuyển đổi từ hình thức lưu trữ chứng từ giấy sang chứng từ điện tử nhằm giảm lượng giấy sử dụng trong quá trình xử lý lô hàng.

Công ty nên ứng dụng công nghệ GPS để theo dõi lộ trình phương tiện vận tải, tối ưu tuyến đường giao hàng và hạn chế tiêu hao nhiên liệu không cần thiết.

Ngoài ra, công ty cần thường xuyên tuyên truyền và nâng cao ý thức tiết kiệm điện, tiết kiệm nhiên liệu cho nhân viên trong quá trình làm việc. Đồng thời, doanh nghiệp nên ưu tiên hợp tác với các đối tác vận tải có định hướng phát triển thân thiện với môi trường nhằm góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Logistics xanh trong hoạt động kinh doanh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3:

Thông qua quá trình nghiên cứu và phân tích thực tế tại Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng, chương 3 đã tập trung làm rõ định hướng phát triển cũng như đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không của công ty trong thời gian tới. Trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động ở chương 2 kết hợp với xu hướng phát triển của ngành logistics hiện nay, có thể thấy rằng hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không đang chịu tác động mạnh mẽ từ quá trình chuyển đổi số, yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ và áp lực cạnh tranh ngày càng lớn trên thị trường.

Hoạt động nhập khẩu tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế như việc xử lý chứng từ còn phụ thuộc nhiều vào thao tác thủ công, khả năng đồng bộ dữ liệu giữa các bộ phận chưa cao, áp lực công việc vào thời điểm cao điểm còn lớn và mức độ ứng dụng công nghệ trong quản lý lô hàng vẫn chưa thật sự toàn diện. Ngoài ra, sự biến động của chi phí vận tải hàng không, yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và sự cạnh tranh gay gắt trong ngành logistics cũng tạo ra nhiều khó khăn cho công ty trong quá trình hoạt động.

Trên cơ sở đó, chương 3 đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại Công ty F.D.I Đà Nẵng như: giải pháp tiếp cận thị trường và khách hàng, giải pháp trong khâu thanh toán, giải pháp xử lý chứng từ và giải pháp phát triển logistics xanh. Đồng thời, đề tài cũng trình bày các điều kiện và cách thức thực hiện nhằm đảm bảo tính khả thi khi triển khai các giải pháp trong thực tế hoạt động của doanh nghiệp.

Nhìn chung, những nội dung được trình bày trong chương 3 không chỉ góp phần hoàn thiện hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng mà còn có ý nghĩa tham khảo đối với các doanh nghiệp logistics có hoạt động tương tự. Đồng thời, đây cũng là cơ sở giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh, thích ứng với xu hướng phát triển của ngành logistics hiện đại và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động xuất nhập khẩu, vận tải hàng không ngày càng giữ vai trò quan trọng nhờ ưu điểm nhanh chóng và linh hoạt. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp giao nhận, trong đó có Công ty TNHH TM&DV GNHH FDI chi nhánh Đà Nẵng, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và hoàn thiện quy trình nhập khẩu hàng hóa.

Qua quá trình phân tích, có thể thấy công ty đã xây dựng được quy trình nhập khẩu tương đối rõ ràng, xử lý nghiệp vụ nhanh chóng, đội ngũ nhân viên năng động. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như trình độ nhân sự chưa đồng đều, phối hợp giữa các bộ phận đôi lúc chưa hiệu quả và vẫn xảy ra sai sót nhỏ trong xử lý chứng từ.

Từ thực tế đó, đề tài **“Hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại Công ty TNHH TM&DV GNHH FDI chi nhánh Đà Nẵng”** đã đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu quả hoạt động, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Những bài học học được từ quá trình thực tập và thực hiện khóa luận

Trong suốt thời gian thực tập tại Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng và quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp, em đã có cơ hội tiếp cận thực tế với môi trường làm việc trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa quốc tế, đặc biệt là hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không. Đây là khoảng thời gian giúp em không chỉ củng cố kiến thức chuyên ngành đã học mà còn tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm thực tiễn quan trọng.

Thông qua quá trình tìm hiểu quy trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không tại công ty, em nhận thấy rằng công việc giao nhận không chỉ đơn thuần là thực hiện thủ tục chứng từ mà còn đòi hỏi sự cẩn thận, tính chính xác và khả năng xử lý tình huống linh hoạt. Chỉ cần một sai sót nhỏ trong quá trình kiểm tra chứng từ hoặc khai báo hải quan cũng có thể làm ảnh hưởng đến tiến độ nhận hàng, phát sinh thêm nhiều chi phí cho doanh nghiệp và khách hàng. Vì vậy, người làm trong lĩnh vực logistics cần có tinh thần trách nhiệm cao, khả năng chịu áp lực tốt và luôn chủ động trong công việc.

Bên cạnh đó, quá trình thực tập cũng giúp em hiểu rõ hơn về vai trò của kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong môi trường doanh nghiệp. Trong quá trình xử lý lô hàng, các bộ phận như chứng từ, hiện trường, kế toán và khách hàng luôn phải phối hợp chặt chẽ với nhau để đảm bảo công việc diễn ra đúng tiến độ. Điều này giúp em học

được cách trao đổi thông tin hiệu quả, tác phong làm việc chuyên nghiệp và nâng cao khả năng thích nghi với môi trường thực tế.

Ngoài ra, việc thực hiện khóa luận cũng giúp em rèn luyện kỹ năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp thông tin, phân tích số liệu và trình bày nội dung một cách logic, khoa học. Thông qua đề tài nghiên cứu, em hiểu rõ hơn về thực trạng hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không tại doanh nghiệp cũng như những khó khăn còn tồn tại trong quá trình thực hiện nghiệp vụ. Từ đó, em có cơ hội vận dụng kiến thức đã học để đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm góp phần hoàn thiện quy trình hoạt động của công ty.

Những đóng góp của khóa luận đối với doanh nghiệp

Khóa luận với đề tài **“Hoạt động nhập khẩu hàng hoá bằng đường hàng không tại Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng”** đã góp phần hệ thống hóa và phân tích cụ thể các bước trong quy trình nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không tại công ty. Qua đó giúp nhìn nhận rõ hơn những ưu điểm cũng như những hạn chế còn tồn tại trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.

Bên cạnh việc phân tích thực trạng, khóa luận còn đề xuất một số giải pháp liên quan đến công tác xử lý chứng từ, thanh toán, tiếp cận khách hàng, vận chuyển hàng hóa và định hướng logistics xanh. Những giải pháp này có thể được doanh nghiệp tham khảo nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc, giảm thiểu sai sót trong quá trình giao nhận và cải thiện chất lượng dịch vụ đối với khách hàng.

Ngoài ra, khóa luận cũng góp phần bổ sung thêm nguồn tài liệu tham khảo về hoạt động nhập khẩu hàng hóa bằng đường hàng không tại doanh nghiệp thực tế. Đây có thể là cơ sở để công ty tham khảo trong quá trình đào tạo nhân viên mới hoặc phục vụ cho việc nghiên cứu, cải tiến quy trình hoạt động trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Văn bản pháp luật

1. Bộ Tài chính (2014), Quyết định số 1899/QĐ-BTC về việc triển khai Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS, truy cập tại:
<https://mof.gov.vn/>
2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), Luật Hải quan số 54/2014/QH13, truy cập tại:
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Luat-Hai-quan-2014-238637.aspx>
3. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2025), Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15, truy cập tại:
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Luat-Hang-khong-dan-dung-Viet-Nam-2025-so-130-2025-QH15-687674.aspx>
4. Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, truy cập tại:
<https://vanban.chinhphu.vn>

II. Báo cáo, bài viết và tài liệu tham khảo

1. Bộ Công Thương Việt Nam (2023), Báo cáo Logistics Việt Nam 2023, Nhà xuất bản Công Thương, truy cập tại:
<https://moit.gov.vn>
2. Bộ Công Thương Việt Nam (2022), Diễn đàn Logistics Việt Nam 2022 với chủ đề “Logistics xanh”, truy cập tại:
<https://moit.gov.vn>
3. Deloitte Insights, Digital Transformation in Logistics.
4. Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), Xu hướng chuyển đổi số trong ngành Logistics Việt Nam, truy cập tại:
<https://vla.com.vn>
5. International Air Transport Association (IATA), Air Cargo Market Analysis, truy cập tại:
<https://www.iata.org>
6. International Air Transport Association (IATA), Air Cargo Demand

Reports 2023–2024, truy cập tại:

7. <https://www.iata.org>

8. Vietnam Report (2022), Báo cáo ngành Logistics Việt Nam năm 2022, truy cập tại:

<https://vietnamreport.net.vn>

III. Tài liệu nội bộ do Công ty TNHH TM & DV GNHH F.D.I chi nhánh Đà Nẵng cung cấp

1. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2022 – 2024
2. Doanh thu hoạt động nhập khẩu của Công ty FDI từ 2022 – 2024
3. Bộ chứng từ nhập khẩu bằng đường hàng không của một lô hàng